

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH**

Gia Viễn, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH**

Ngày ... tháng ... năm 2024
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH NINH BÌNH**
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm 2024
**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA VIỄN**
(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	iii
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1.1. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch sử dụng năm 2024 huyện Gia Viễn	1
1.2. Những căn cứ pháp lý lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	1
1.3. Mục đích, yêu cầu.....	4
1.4. Tổ chức triển khai.....	6
PHẦN I KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI	7
1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường.....	7
1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	17
PHẦN II KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023....	27
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	27
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Gia Viễn.....	33
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Gia Viễn	33
PHẦN III LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN GIA VIỄN .	34
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.....	34
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	34
3.3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất.....	38
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	45
3.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	45
3.6. Diện tích chưa sử dụng đưa vào sử dụng	46
3.7. Danh mục các công trình dự án trong năm 2024.....	46
3.8. Dự kiến các khoản thu chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch	46
PHẦN IV CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	49
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	49

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	50
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	51
4.4. Các giải pháp khác.....	52
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	54
1.1. Kết luận.....	54
1.2. Kiến nghị	54

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Gia Viễn	28
Bảng 3.1: Danh mục công trình cấp tỉnh trên địa bàn huyện	34
Bảng 3.2: Danh mục công trình dự án chuyển tiếp từ kế hoạch 2023	34
Bảng 3.3: Danh mục công trình dự án đăng ký mới năm 2024	37
Bảng 3.4. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 toàn huyện	38
Bảng 3.5. Cân đối tài chính thu – chi từ đất	47

ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch sử dụng năm 2024 huyện Gia Viễn

Việt Nam đang ở thời kỳ điều chỉnh mạnh cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng khu vực kinh tế công nghiệp, kinh tế dịch vụ và giảm tỷ trọng khu vực kinh tế nông nghiệp. Nhu cầu tăng trưởng kinh tế cao, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm tăng nhu cầu sử dụng đất, yêu cầu phân bổ lại đất đai là quy luật khách quan. Đảng và Nhà nước ta luôn coi đây là vấn đề bức xúc cần được quan tâm hàng đầu. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, chương III khoản 1 Điều 54 ghi rõ “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật*”. Cùng với đó Luật Đất đai đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013, tại Khoản 2 Điều 37 quy định “*Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm*” cho thấy sự cần thiết trong việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của mỗi địa phương.

Cùng với quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Văn hóa - Xã hội của huyện Gia Viễn, quy hoạch chung nông thôn mới và các quy hoạch chuyên ngành khác; thì việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện sẽ tạo thuận lợi, tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển Kinh tế - Văn hóa - xã hội, khắc phục tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tràn lan và tránh tình trạng bỏ hoang hóa gây lãng phí tài nguyên đất.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện sẽ gây áp lực lên đất đai dễ dẫn đến tình trạng mất cân đối trong khai thác sử dụng đất, nhất là ở những nơi có nhiều lợi thế tiềm năng, vì vậy việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo hướng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững là hết sức cần thiết.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của công tác lập kế hoạch trong quản lý và sử dụng đất, thực hiện nghiêm túc Hiến pháp và Luật Đất đai, UBND huyện Gia Viễn tiến hành lập “*Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Gia Viễn*”.

1.2. Những căn cứ pháp lý lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

1.2.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cáo chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính Phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 06/2020/NĐ/CP ngày 06/12/2020 của Chính phủ về bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về việc lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung tại quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh ban hành giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định số 278/ QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt điều chỉnh, quy mô, địa điểm một số công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Gia Viễn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/12/2021;

- Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt điều chỉnh, quy mô, địa điểm một số công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Gia Viễn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/12/2021;

- Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 15/2/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Gia Viễn;

- Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua danh mục dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2022;

- Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2022;

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua danh mục dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2022;

- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Ninh

Bình năm 2022;

- Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua danh mục dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023;

- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023;

- Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua danh mục dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2024;

- Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2024;

- Văn bản số 1681/STNMT-QHGD ngày 23/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Các Quyết định phê duyệt dự án, quyết định chủ trương đầu tư dự án...

1.2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Gia Viễn;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Gia Viễn;

- Các số liệu, tài liệu có liên quan khác.

1.3. Mục đích, yêu cầu

1.3.1. Mục đích

Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Gia Viễn, nhằm đề xuất khoanh định, phân bổ đất đai phục vụ yêu cầu của hoạt động kinh tế – xã hội trong năm 2024 cụ thể từng hạng mục công trình đến từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện, đảm bảo hài hoà giữa các mục đích ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện, đặc biệt những mục tiêu cụ thể đang đặt ra trước mắt như:

- Làm căn cứ cho việc phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá, hình thành phát triển các mô hình chăn nuôi, các khu vực sản xuất kinh doanh

thương mại dịch vụ.

- Làm cơ sở cho các cấp, các ngành quản lý sử dụng đất đai có hiệu quả và thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất trên địa bàn huyện theo Luật Đất đai năm 2013.

- Cung cấp tầm nhìn tổng quan, tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành từ trung ương đến địa phương trong quá trình quản lý, sử dụng đất đai phù hợp với quy hoạch đề ra.

- Thực hiện đầu tư triển khai các dự án, công trình, thúc đẩy sự phát triển của các ngành: Nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hoá, y tế, giáo dục, đảm bảo an ninh, quốc phòng, khai thác nguồn vốn và điều tiết các lợi ích từ đất; khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giải quyết các nhu cầu về nhà ở ổn định đời sống của nhân dân, ổn định chính trị xã hội.

- Đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai của các cấp, các ngành và của mọi tổ chức, gia đình và cá nhân trên địa bàn huyện theo đúng pháp luật.

- Đề ra những biện pháp bảo vệ tài nguyên đất, sử dụng đất đai ổn định, lâu dài, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

1.3.2. Yêu cầu

Trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Gia Viễn đến năm 2030 và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; bên cạnh đó là quy hoạch của các ngành, các lĩnh vực để lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Gia Viễn đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển chung của toàn huyện, cụ thể:

- Đáp ứng yêu cầu quy hoạch trung tâm huyện lỵ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đảm bảo cảnh quan, bền vững về mặt môi trường sinh thái, đất sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sinh thái đô thị.

- Xác định, định hướng khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả toàn bộ quỹ đất phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Bình.

- Cung cấp thông tin hiện trạng tiềm năng định hướng sử dụng đất tạo điều kiện ban đầu cho việc tìm kiếm cơ hội cho các nhà đầu tư nhằm:

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Điều chỉnh những bất hợp lý trong quá trình sử dụng đất.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhằm cụ thể hoá QHSDD của cấp huyện đến năm 2030. Xác lập căn cứ quan trọng cho chương trình phát triển các dự án đầu tư.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Gia Viễn phải đảm bảo 4 yêu cầu là: Thực tế - Khoa học - Khả thi - Hiệu quả.

1.4. Tổ chức triển khai

UBND huyện đã trực tiếp chỉ đạo các ngành, các cơ quan đóng trên địa bàn, các xã, thị trấn trong địa bàn huyện cung cấp số liệu, tài liệu, xây dựng phương hướng sử dụng đất cụ thể trong phạm vi ngành, xã, thị trấn.

Trình tự lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện được thực hiện theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gồm:

1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa.
2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.
3. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

1.5. Sản phẩm của dự án lập kế hoạch sử dụng đất

1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Gia Viễn;

2. Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Gia Viễn, tỷ lệ 1/25.000; Bản đồ các khu chuyên mục đích năm 2024 tỷ lệ 1:25.000;

3. Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024;

4. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt;

Sản phẩm nêu trên đều được ghi đĩa CD và in nhân sao thành 04 bộ.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp “**Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Gia Viễn**” ngoài các phần Đặt vấn đề; Kết luận và Kiến nghị Báo cáo bao gồm các phần sau:

- Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội;
- Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023;
- Phần III: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024;
- Phần IV. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.1.1. Điều kiện tự nhiên.

a) Vị trí địa lý

Gia Viễn là huyện đồng chiêm trũng của tỉnh Ninh Bình, huyện có tổng diện tích tự nhiên 176,48 km². Huyện Gia Viễn nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Ninh Bình có tọa độ địa lý từ 20°13' đến 20°25' vĩ độ Bắc và từ 105°47' đến 105°57' kinh độ Đông. Địa giới hành chính được xác định:

- Phía Bắc giáp huyện Lạc Thủy - tỉnh Hòa Bình và huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam;
- Phía Nam giáp huyện Hoa Lư;
- Phía Đông giáp huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định;
- Phía Tây giáp huyện Nho Quan.

Huyện Gia Viễn cách thành phố Ninh Bình khoảng 20 km về phía Đông Nam. Trên địa bàn huyện có tuyến giao thông quan trọng là Quốc lộ 1A dài 4,27 km từ cầu Khuất đến cầu Gián Khẩu; tuyến đường tỉnh lộ ĐT 447 nối từ Gián Khẩu qua thị trấn Me đến huyện Nho Quan và đi huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình; Các tuyến tỉnh lộ 491, 477-B, 477-C chạy qua địa bàn nhiều xã trong huyện, trên địa bàn huyện còn có hệ thống sông ngòi khá hoàn thiện như: sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Bôi,... Nhìn chung huyện Gia Viễn có hệ thống giao thông thủy bộ thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

b) Địa hình, địa mạo

Huyện Gia Viễn thuộc vùng bán sơn địa, địa hình phân thành ba khu vực rõ rệt: Vùng núi đá vôi tập trung ở phía Bắc và Đông Nam, vùng bán sơn địa ở Tây Nam và vùng đồng bằng rộng lớn nằm giữa trung tâm huyện, đồng ruộng canh tác tương đối bằng phẳng và có xu thế thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Nơi cao nhất là phía Bắc của xã Gia Hưng, nơi thấp nhất là ở vùng lòng chảo xã Gia Trung.

* Địa hình vùng núi.

Có 2 khu núi đá tập trung ở phía Bắc huyện giáp tỉnh Hòa Bình và ở phía Đông Nam giáp huyện Hoa Lư. Ngoài ra còn một số núi đá vôi độc lập phân bố rải rác xen kẽ với đất canh tác tập trung ở các xã: Gia Phương, Gia Lạc, Gia

Minh, Gia Tiến, Gia Xuân. Vùng này có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển du lịch và chăn nuôi.

Bên cạnh núi đá vôi, còn có một số đồi núi đất như dải đồi áp với khu núi đá vôi ở phía Bắc và phía Nam huyện, dải đồi nằm độc lập từ Liên Sơn chạy theo hướng Đông Tây đến Gia Vân. Đồi đất ở đây thường trơ trọi ít màu mỡ vùng này thích hợp với việc phát triển trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh.

** Địa hình bán sơn địa:*

Nằm ở phía Nam huyện tiếp cận với khu núi Đính, cao trình thoải dần từ chân núi Đính về ven đê hữu sông Hoàng Long. Vùng này có nhiều tiềm năng phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, du lịch, chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò, dê).

** Địa hình vùng đồng bằng.*

Địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ 1m đến 1,5m, đất đai vùng này chủ yếu là đất phù sa không được bồi hàng năm. Diện tích này nằm gọn trong đê tả hữu sông Hoàng Long, đê Hữu Đáy và đê Đầm Cút. Vùng này có nhiều thuận lợi để phát triển nông nghiệp trồng lúa, màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

c) Khí hậu

Khí hậu huyện Gia Viễn cũng như các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Hồng có khí hậu mang những đặc điểm của khí hậu nhiệt đới, gió mùa, có mùa đông lạnh nhưng còn ảnh hưởng nhiều của khí hậu ven biển, rừng núi so với điều kiện trung bình cùng vĩ tuyến; thời kỳ đầu của mùa đông tương đối khô, nửa cuối thì ẩm ướt, mùa hạ thì nóng ẩm, nhiều mưa bão, thời tiết hàng năm chia thành bốn mùa rõ rệt là xuân, hạ, thu, đông.

** Nhiệt độ:* Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22°C - 27°C, nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất là tháng 1 khoảng 13-15 °C, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất là tháng 7 vào khoảng 30°C. Tổng số giờ nắng trung bình năm trên 1.100 giờ. Tổng nhiệt độ năm đạt tới chỉ số trên 8.500° C, có tới 8 - 9 tháng trong năm có nhiệt độ trung bình trên 20°C.

** Chế độ mưa:* Chế độ mưa có hai mùa rõ rệt, mùa mưa tương ứng với mùa hạ (từ tháng 5 đến tháng 9) và mùa ít mưa tương ứng với mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau). Tổng lượng mưa rơi trên diện tích toàn huyện đạt 1.860 – 1.950 mm, phân bố tương đối đều trên địa bàn huyện, trung bình một năm có tới 125 - 157 ngày mưa.

* *Chế độ ẩm*: Do ảnh hưởng của chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa trung bình năm là 85%; chênh lệch về độ ẩm giữa các tháng không nhiều (tháng 3 có độ ẩm cao nhất là 90%, tháng 1 có độ ẩm thấp nhất là 81%).

* *Lượng bốc hơi*: Lượng bốc hơi trung bình năm 850 mm – 870 mm. Mùa nắng bốc hơi nhiều hơn mùa lạnh, chiếm 60% lượng bốc hơi cả năm, tháng 7 có lượng bốc hơi lớn nhất 105 mm, tháng 2 có lượng bốc hơi nhỏ nhất 45 mm.

* *Gió*: Hướng gió thịnh hành thay đổi theo mùa, mùa đông hướng gió thịnh hành là Đông Bắc và có xu hướng lệch về phía Đông, mùa hè hướng gió thịnh hành từ Đông đến Đông Nam. Trên địa bàn huyện còn chịu ảnh hưởng của gió đất theo hướng Tây và Tây Nam.

(Nguồn: Trạm khí tượng thủy văn Gián Khẩu, huyện Gia Viễn)

d) Thủy văn

Hệ thống sông ngòi trên huyện Gia Viễn với nhiều sông nhỏ và kênh rạch với tổng chiều dài 68 km, mật độ sông 0,4 km/km², bao gồm các sông:

Sông Đáy: Là chi lưu của sông Hồng bắt nguồn từ Hát Môn (Phúc Thọ) Chảy qua địa bàn huyện Gia Viễn từ cầu Khuất đến cầu Gián dài 8,40 km. Dòng chảy của Sông Đáy đoạn qua huyện Gia Viễn chịu tác động mạnh mẽ của dòng chảy sông Hồng qua sông Đào của tỉnh Nam Định. Mùa cạn lưu lượng nước của sông Đáy nhỏ nhưng được bổ xung từ sông Hồng qua sông Đào, mực nước tại Gia Viễn Hmax=0,6÷0,7m, Hmin=-0,1÷0,1m. Mùa lũ trên đoạn sông này mực nước dâng cao từ 1,68÷2,95m.

Với mực nước như trên, trong khi độ cao của đồng ruộng thay đổi, địa hình lại thay đổi cao thấp không đều nên việc tưới tiêu tự chảy không thực hiện được, chủ yếu phải dùng trạm bơm và tiêu tự chảy khi nước trong đồng cao (bị úng) và phải gặt được lúc triều thấp.

Sông Hoàng Long: Là chi lưu của sông Đáy, bắt nguồn từ hồ Thường Xung (Nho Quan) đến Gián Khẩu dài 13,1km là trục tiêu chính của huyện, nó nhận nước mưa trong nội vùng, lượng nước từ vùng đồi núi Hòa Bình, Nho Quan chảy về và chảy ra sông Đáy để đổ ra biển. Ngoài nhiệm vụ tiêu nước, sông Hoàng Long còn có nhiệm vụ chuyển nước cho phần lớn diện tích nằm trong khu vực và làm nhiệm vụ vận chuyển đường thủy cho các xã ven sông.

Sông Bôi và sông Rịa: Thuộc hệ thống sông Hoàng Long dài 21,3 km. Lưu lượng của sông này trong mùa lũ rất cao, vào mùa khô hệ thống sông này có tác dụng cung cấp nước tưới cho vùng.

Tóm lại theo tài liệu của trung tâm dự báo khí tượng thủy văn huyện Gia Viễn ta thấy: Hệ thống sông ngòi của huyện Gia Viễn chủ yếu là cung cấp nguồn nước ngọt cho các trạm bơm phục vụ tưới trong sản xuất nông nghiệp. Về vụ mùa chỉ tranh thủ tiêu tự chảy tối đa 65% diện tích, còn lại phải bơm tiêu.

Hồ, ao chứa nước

Trên địa bàn huyện có hồ Đầm Cút là hồ chứa nước và có tác dụng chống lũ và cung cấp nước tưới cho nông nghiệp, nuôi thủy sản.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

a) Tài nguyên đất

Từ kết quả điều tra lập bản đồ đất tỉnh Ninh Bình thì đất huyện Gia Viễn bao gồm 17 loại và chia thành 4 nhóm đất chính sau:

*** Nhóm đất phù sa:**

Diện tích 10.816 ha chiếm 60,61% diện tích đất tự nhiên, được hình thành do sự bồi đắp của sông Đáy và sông Hoàng Long... Thành phần cơ giới chủ yếu là thịt trung bình, thịt nhẹ và một phần nhỏ là đất cát pha. Nhìn chung đất có hàm lượng lân tổng số và dễ tiêu không cao lân tổng số <0,1% và lân dễ tiêu <3 mg/100 g đất, đất có hàm lượng kali từ trung bình đến giàu, độ dày tầng đất $\geq 1m$, địa hình tương đối bằng phẳng độ dốc <8⁰.

- Đất phù sa trung tính ít chua:

+ Đất phù sa trung tính ít chua cơ giới nhẹ (Fle-a).

Diện tích 62 ha phân bố tập trung ở các xã Gia Thắng, Gia Tân.

Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình, tầng đất dày tương đối bằng phẳng, hàm lượng NPK đều ở mức thấp và rất thấp, pH_{KCl} từ 5,04÷5,75. Loại đất này rất thích hợp cho việc trồng lúa màu và cây trồng cạn.

+ Đất phù sa trung tính ít chua clay nông (Fle-g1).

Diện tích 3.312 ha phân bố ở các xã Gia Vân, Gia Hòa, Gia Thắng, Gia Trấn, Gia Xuân, Gia Thịnh, Gia Phú, Gia Thanh, Gia Tân, Gia Hưng. Đất có thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng, tầng đất dày, đất có pH_{KCl} từ 4,6÷5,7. Hàm lượng NPK từ nghèo đến trung bình. Diện tích này hiện đang sử dụng trồng 2 vụ lúa.

+ Đất phù sa ít chua kết von nông (Fle - Fe1).

Diện tích 107,16 ha, có thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình, tầng đất dày độ dốc <8⁰. Diện tích này tập trung chủ yếu ở xã Gia Lạc đang

được sử dụng trồng 2 vụ lúa hoặc 1 vụ lúa 1 vụ màu.

- Đất phù sa chua:

+ Đất phù sa chua glây nông (Eld – g1):

Diện tích 2.472 ha được hình thành do sự lắng đọng phù sa. Đất có pH_{kl} từ 4,0÷4,5, hàm lượng NPK tổng số và dễ tiêu khá, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình, tầng đất dày. Diện tích này chủ yếu trồng 2 vụ lúa cho năng suất cao. Phân bố tập trung ở các xã Gia Thắng, Gia Vân, Gia Phong, Gia Trung, Gia Minh.

- Đất phù sa glây:

+ Đất phù sa glây trung tính ít chua (Flg - e):

Diện tích 677 ha phân bố ở các xã Gia Minh, Gia Sinh.

Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, tầng đất dày pH_{kl} từ 6,3÷6,9. Hàm lượng lân và kali cả về tổng số lân dễ tiêu từ trung bình đến khá.

Diện tích sử dụng chủ yếu là trồng lúa, lúa màu.

+ Đất phù sa glây chua (Flg - d):

Diện tích 1.085 ha đất có thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình, tầng đất dày, PH_{kl} ≤4,0. Hàm lượng cation trao đổi cao, hàm lượng NPK tổng số và dễ tiêu từ trung bình đến khá. Diện tích này đang sử dụng trồng 2 vụ lúa, tập trung ở xã Gia Tiến, Gia Vượng, Gia Phong, Gia Phương.

- Đất phù sa có độ đóm rỉ:

+ Đất phù sa có độ đóm rỉ kết von nông (Fle – g1):

Diện tích 758 ha, phân bố ở các xã Gia Xuân, Gia Tân, Gia Phương, Gia Minh. Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình tầng đất dày, pH_{kl} từ 5,5÷6,5. Hàm lượng lân, kali dễ tiêu nghèo, hàm lượng NPK từ trung bình đến khá. Diện tích này sử dụng chủ yếu để trồng lúa, lúa màu.

+ Đất phù sa có độ đóm rỉ glây sâu (Fle – g2):

Diện tích 138 ha, loại đất này có thành phần cơ giới thịt nặng, tầng đất dày 5,0÷5,7, hàm lượng NPK tổng số và dễ tiêu từ trung bình đến khá, cation trao đổi trung bình. Diện tích này chủ yếu trồng 2 vụ lúa và tập trung ở xã Gia Tân, Gia Thắng.

+ Đất phù sa có đóm rỉ glây nông (Fle-g1).

Diện tích 2.202 ha phân bố tập trung ở các xã Gia Thắng, Gia Vân, Gia Phong. Đất có thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt nặng, nhìn chung đất có độ

xốp trung bình. Hàm lượng lân tổng số và lân dễ tiêu ở mức nghèo đến trung bình (P_2O_5) tổng số $\leq 0,08\%$, dễ tiêu $< 3\text{mg}/100\text{g}$) tầng đất dày pH_{KCl} từ $2,32 \div 5,79$. Diện tích này được sử dụng trồng 2 vụ lúa.

** Nhóm đất xám:*

Diện tích 1.159 ha chiếm 6,5% diện tích đất tự nhiên. Đất phát triển trên đá cát kết., phù sa cổ phân bố chủ yếu ở xã Gia Hưng, Gia Sinh, Gia Hòa.

- Đất xám Feralit

+ Đất xám Feralit điển hình (Acfa – h)

Diện tích 205 ha. Đất có thành phần cơ giới là thịt trung bình, tầng đất dày từ 0,5 đến 1,0 m hàm lượng lân tổng số ở mức trung bình, lân dễ tiêu nghèo kali tổng số và dễ tiêu ở mức trung bình và khá. Diện tích này được sử dụng trồng màu hoặc cây trồng cạn.

+ Đất xám Feralit kết von nông (Acfa – fe1)

Diện tích 146 ha tập trung ở xã Gia Hòa. Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình, tầng đất dày $\geq 1\text{m}$ độ dốc 8 đến 15^0 . Hàm lượng lân tổng số và dễ tiêu ở mức nghèo đến mức trung bình, kali tổng số và dễ tiêu ở mức trung bình và khá. Diện tích này được sử dụng trồng các loại cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày như mía.

- Đất xám kết von:

+ Đất xám kết von điển hình (Acfe-h):

Diện tích 92 ha. Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình, tầng đất dày $\geq 1\text{m}$, độ dốc $< 8^0$. Hàm lượng lân tổng số ở mức trung bình 0,09 đến 0,13 %, lân dễ tiêu nghèo $< 5\text{ mg}/100\text{ g}$. Kali tổng số và dễ tiêu ở mức trung bình đến khá. Diện tích này đang sử dụng trồng các loại cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, tập trung ở xã Gia Sinh.

+ Đất xám kết von đá lẫn nông (Acfe-II):

Diện tích 714 ha tập trung ở xã Gia Hưng, đất có thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến nặng, tầng đất dày từ 0,5 đến 1m, độ dốc từ 8 đến 15^0 . Hàm lượng lân tổng số ở mức trung bình. Kali tổng số và dễ tiêu ở mức trung bình đến khá. Diện tích này đang sử dụng trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày như mía, dứa.

** Nhóm đất glây:*

Diện tích 486 ha đất có thành phần cơ giới trung bình, tầng đất dày diện tích này có địa hình thấp, thường xuyên ngập nước.

- Đất glây trung tính ít chua:

+ Đất glây trung tính ít chua úng nước (Gle-st):

Diện tích 361 ha phân bố tập trung ở các xã Gia Vân, Gia Lập, Gia Thanh, Gia Hòa. Đất có thành phần cơ giới nặng, khả năng hấp phụ của đất từ mức trung bình đến khá, đất có phản ứng trung tính ít chua. Hàm lượng các bon hữu cơ và nitơ tổng số khá cao. Nghèo lân, kali ở mức trung bình cả về tổng số và dễ tiêu. Diện tích này được sử dụng trồng 1 vụ lúa.

- Đất glây chua:

+ Đất glây chua kết von nông (GLd-Fll):

Diện tích 88 ha tập trung ở Gia Lạc. Đất có thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt pha sét. Khả năng hấp phụ của đất ở mức trung bình. Tỷ lệ lân tổng số và kali nghèo cả về tổng số và dễ tiêu. Diện tích này sử dụng trồng 2 vụ lúa.

+ Đất glây chua nóng nước tự nhiên (GLd-st):

Diện tích 36 ha chủ yếu ở xã Gia Sinh. Đất có thành phần cơ giới giao động từ thịt trung bình đến thịt pha sét hay sét. Khả năng hấp phụ của đất ở mức trung bình, đất có độ no bazơ thấp. Hàm lượng các bon và nitơ tổng số ở mức trung bình. Tỷ lệ lân, kali nghèo cả về tổng số và dễ tiêu trong đó đặc biệt là lân. Diện tích này được sử dụng trồng 2 vụ lúa.

* *Nhóm đất đen:*

- Đất đen kết von nông (Lvfe-1):

Diện tích 79 ha đất có thành phần cơ giới trung bình và nặng. Hàm lượng các chất dinh dưỡng hữu cơ khá. Lân tổng số và dễ tiêu ở mức nghèo và rất nghèo. Khả năng hấp phụ của đất biến động mạnh, đất có phản ứng trung tính, độ dốc <math> < 8^0 </math>, tầng đất dày $\geq 1\text{m}$. Diện tích này được sử dụng trồng cây màu các loại như mía, dưa khoai, ngô.

Đánh giá khả năng thích nghi đất đai.

Để quá trình sử dụng đất đạt hiệu quả cao và phát triển bền vững, phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, bảo vệ đất đai bảo vệ môi trường, mở rộng diện tích gắn liền với thâm canh, cải tạo đất nhằm đa dạng hóa các loại hình sản xuất nông nghiệp để giải quyết vấn đề an toàn lương thực, cung cấp nguyên vật liệu cho công nghiệp chế biến tạo ra nông sản hàng hóa, đáp ứng yêu cầu đời sống của nhân dân và nguồn hàng xuất khẩu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Dựa trên kết quả đánh giá khả năng thích nghi đất đai trên bản đồ

1/50.000 theo phương pháp của FAO - UNESCO cho thấy huyện Gia Viễn có 17 đơn vị đất đai. Các đơn vị đất đai này phần lớn có độ dốc $<8^{\circ}$, tầng đất dày $\geq 1\text{m}$, đất phù sa phần lớn chiếm diện tích của toàn huyện, hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất tương đối khá. Đây là vùng đất có tiềm năng phát triển nông nghiệp. Trong 17 đơn vị đất của huyện có 3 đơn vị đất thuộc nhóm phù sa trung tính ít chua, 2 đơn vị đất thuộc nhóm phù sa chua, 2 đơn vị đất thuộc nhóm phù sa clay, 3 đơn vị đất thuộc nhóm phù sa có đóm rỉ. Các đơn vị đất này đều có khả năng trồng lúa và các loại cây công nghiệp ngắn ngày.

b) Tài nguyên nước

**** Tài nguyên nước mặt***

Huyện Gia Viễn có hệ thống sông và kênh rạch với tổng chiều dài 68 km diện tích chiếm đất là 578 ha. Ngoài ra còn hồ Đàm Cút và một số hồ nhỏ chứa nước, và cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

Nguồn nước mặt của Gia Viễn khá dồi dào thuận lợi cho việc cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp và phục vụ đời sống dân sinh.

**** Tài nguyên nước ngầm***

Hiện chưa có số liệu khảo sát về nước ngầm trên địa bàn huyện, nhưng hiện tại hệ thống nước ngầm đã bước đầu được khai thác, phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân ở một số xã trên địa bàn huyện.

c) Tài nguyên rừng

Rừng tự nhiên của Gia Viễn không nhiều, do hậu quả của việc khai thác rừng bừa bãi từ những năm trước đây. Hiện nay trữ lượng gỗ rừng tự nhiên không đáng kể do mới khoanh nuôi tái sinh.

Tài nguyên rừng của huyện nhìn chung còn nghèo và hiện nay đang được quan tâm trồng rừng và khoanh nuôi bảo vệ, trữ lượng gỗ không lớn, chức năng chủ yếu là rừng đặc dụng.

Ngoài diện tích rừng, trên địa bàn còn có số diện tích cây ăn quả lâu năm có tác dụng che phủ đất.

d) Tài nguyên khoáng sản

Trên địa bàn huyện có 2 loại khoáng sản chính là đá vôi và đất sét. Tập trung chủ yếu ở các xã Gia Thanh, Gia Vân, Gia Hưng, Gia Hòa, Gia Sinh với 2.618 ha có trữ lượng hàng tỷ m^3 , chất lượng tốt thuận lợi cho việc khai thác đá làm nguyên liệu vật liệu xây dựng.

Ngoài ra Huyện Gia Viễn có nguồn nước khoáng ở Kênh Gà có trữ lượng lớn, hàm lượng Magiê - Carbonát và các khoáng chất cao; có tác dụng chữa bệnh, sản xuất nước giải khát và phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

e) Tài nguyên nhân văn

Huyện Gia Viễn là địa phương có nhiều danh lam, thắng cảnh, có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể với nhiều di tích lịch sử, mang nét văn hóa đặc trưng của vùng, miền.

Di tích lịch sử văn hóa: Gia Viễn là vùng đất cổ giàu truyền thống lịch sử. Đây là vùng đất "*sinh vương, sinh thánh*"; nơi đã sinh ra vua Đinh Tiên Hoàng và thánh Nguyễn Minh Không (Lý Quốc Sư). Huyện Gia Viễn có nhiều di tích lịch sử văn hóa như:

- Động Hoa Lư: thuộc xã Gia Hưng, là căn cứ ban đầu của sứ quân Đinh Bộ Lĩnh.

- Động Dịch Lộ: thuộc xã Gia Thanh là động đẹp được mệnh danh là "Nam thiên đệ tam động".

- Kẽm Trống: là danh thắng nổi tiếng từ xa xưa nằm giữa Hà Nam và Ninh Bình được tạo ra bởi sông Đáy và các dãy núi hai bên bờ.

- Chùa Bái Đính: là khu chùa cổ gắn với nhiều sự kiện lịch sử. Hiện tại ở đây đã xây dựng khu chùa mới với quy mô lớn hấp dẫn khách du lịch.

- Đền thờ Đinh Bộ Lĩnh: là ngôi đền cổ, xây dựng tại nơi sinh ra danh nhân Đinh Tiên Hoàng

- Đền Thánh Nguyễn: xưa là chùa Viên Quang Tự, tương truyền do quốc sư Nguyễn Minh Không lập nên để tu hành.

Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội: Về tín ngưỡng, tôn giáo ở Gia Viễn chủ yếu là theo đạo phật. Các làng nghề truyền thống với các sản phẩm độc đáo có chất lượng cao như: thêu, mây tre đan... đã làm phong phú thêm tài nguyên nhân văn của Ninh Bình.

f) Tiềm năng du lịch:

Huyện Gia Viễn tập trung hàng loạt điểm du lịch liên quan đến nguồn tài nguyên phong phú về hang động, nổi bật là khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long với 32 hang động lớn nhỏ có giá trị phát triển du lịch như: Hang cá, Hang Bồng, Hang Rùa, Hang Chanh. Không những là khu có giá trị đa dạng sinh học cao, có cảnh quan đẹp mà Vân Long còn có rất nhiều các di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng đã được công nhận như đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền

Đức Thánh Nguyễn, khu danh thắng chùa và động Địch Lộng. Những khu vực này là sự kết hợp giữa tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn để thành tua du lịch tạo điều kiện cho Gia Viễn phát triển các trung tâm du lịch lớn với các loại hình du lịch đa dạng như: Du lịch sinh thái, du lịch thăm quan nghiên cứu, du lịch văn hóa lễ hội để thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.

Tuy nhiên cho đến nay một số tài nguyên du lịch chưa được quản lý chặt chẽ đã bị xuống cấp hoặc hủy hoại, vấn đề bảo vệ trùng tu tái tạo tài nguyên du lịch đã được đặt ra và đang được tiến hành nâng cấp cải tạo.

Với mục tiêu đẩy mạnh khai thác du lịch góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, huyện Gia Viễn chủ trương tạo mọi điều kiện và cơ hội thuận lợi bằng cơ chế thông thoáng, ưu đãi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh du lịch trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về du lịch, làm tốt công tác quảng bá, giới thiệu các sản phẩm về du lịch, vận động nhân dân tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ phục vụ cho hoạt động du lịch, xây dựng các làng du lịch sinh thái và nếp sống văn minh du lịch trong cộng đồng dân cư.

1.1.3. Thực trạng môi trường

- Về nước sạch: Huyện đã phối hợp với các ngành liên quan thực hiện chính sách thu hút đầu tư, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy nước Hoàng Long công suất thiết kế 40.000 m³/ngày đêm. Đến nay đã hoàn thành đầu tư đưa vào khai thác dây chuyền 1 công suất 20.000 m³/ngày đêm, đảm bảo cung cấp nước sạch cho toàn bộ huyện Gia Viễn và một phần của huyện Hoa Lư.

- Về bảo vệ môi trường làng nghề: Huyện có 04 làng nghề gồm: Làng Cót Vân Thị, xã Gia Tân; làng mây tre đan An Thái xã Gia Trung, làng thêu ren Lãng Nội xã Gia Lập, Vũ Đại xã Gia Xuân với tổng số 324 hộ làm nghề và 603 lao động. 100% các làng nghề đều thực hiện đúng quy hoạch, xây dựng phương án bảo vệ môi trường được UBND huyện phê duyệt. Các làng nghề đều thành lập tổ tự quản và ban hành quy chế hoạt động, có đầy đủ hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường. Các hộ thuộc làng nghề đều bố trí hệ thống xử lý chất thải hợp lý theo quy định.

- Về thu gom và xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt: 100% xã đều có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt được phê duyệt. Rác thải sinh hoạt được tổ chức thu gom, quản lý chặt chẽ, đến nay toàn huyện có

100% số xã đã có tổ thu gom rác thải; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý đạt 85%. Các khu xử lý rác hoạt động an toàn, không gây ô nhiễm môi trường khu vực lân cận. Đã triển khai thực hiện việc thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau sử dụng, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý, không để tình trạng phát tán bừa bãi ra môi trường

Hệ thống tiêu, thoát nước trong khu dân cư được nhân dân đầu tư dọc theo các tuyến đường. Nước thải sinh hoạt và của các cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom xử lý theo quy định đảm bảo an toàn cho môi trường trước khi thoát ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Về kinh tế

a) Sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai và xây dựng nông thôn mới

Các cấp, các ngành và nhân dân trong huyện đã nỗ lực phấn đấu, tập trung khắc phục khó khăn, triển khai đồng bộ các biện pháp phát triển sản xuất, chăm sóc, chuyển đổi cơ cấu cây trồng; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ các mô hình phát triển trong sản xuất; chú trọng công tác phòng, chống rét, nắng nóng, dịch bệnh, chuột hại trên cây trồng, vật nuôi, nhất là triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm. Giá trị sản phẩm trồng trọt và nuôi trồng thủy sản/ha canh tác ước đạt 120,1 triệu đồng/ha. Trong đó:

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 10.386 ha, vượt 4,6% kế hoạch; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 56.145 tấn.

- Ước tính tổng đàn con nuôi trên 702 nghìn con, tăng 0,56% so với cùng kỳ năm 2022.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 2.610 ha, sản lượng ước đạt 7.025 tấn, tăng 2% về diện tích và 2% về sản lượng so với cùng kỳ năm 2022.

- Công tác trồng, chăm sóc, quản lý, phòng chống cháy rừng được quan tâm. Toàn huyện ước trồng được 219 nghìn cây phân tán các loại, đạt kế hoạch đề ra.

- Chương trình Mỗi xã một sản phẩm được quan tâm chỉ đạo, thực hiện, trong năm 2023 có 16 sản phẩm được đánh giá, công nhận đạt hạng 3 sao, đạt 160% so với kế hoạch; đến nay trên địa bàn huyện có 26 sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao trở lên, trong đó có 08 sản phẩm đạt hạng 4 sao.

- Công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai được quan tâm, chú trọng:

Các cấp, các ngành chủ động xây dựng, phê duyệt các phương án, chuẩn bị vật tư, phương tiện, lực lượng PCTT&TKCN theo phương châm “4 tại chỗ”. Tập trung kiểm tra, đôn đốc công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu úng. Tăng cường kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng công trình đê điều, xác định trọng điểm; tu bổ, nâng cấp hệ thống kênh mương, thủy lợi nội đồng; tích cực kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về đê điều và PCTT trên địa bàn.

- Công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu được quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả vượt kế hoạch. Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia huyện đã tích cực kiểm tra, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo; hướng dẫn, đôn đốc các xã đạt chuẩn NTM đăng ký xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu rà soát, xây dựng kế hoạch, ưu tiên nguồn lực để duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, chưa được theo Bộ Tiêu chí của giai đoạn 2021-2025. Công tác xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu tại các xã được quan tâm chỉ đạo, đạt hiệu quả tích cực. Tổng kinh phí xây dựng NTM năm 2023 trên địa bàn ước đạt trên 558,9 tỷ đồng; có thêm 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, 05 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 53 thôn (xóm) NTM kiểu mẫu. Tính đến hết năm 2023, toàn huyện có 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 01 xã NTM kiểu mẫu và 92 thôn (xóm) NTM kiểu mẫu.

b) Sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản

- Sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiếu nguyên liệu đầu vào; thị trường xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm, đơn hàng giảm sút, hàng tồn kho tăng cao. Doanh thu sản xuất công nghiệp năm 2023 ước đạt 36.134 tỷ đồng, giảm 15% so với năm 2022.

- Vốn đầu tư phát triển ước đạt 3.120 tỷ đồng, đạt 139,6% kế hoạch, giảm 36% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó vốn nhà nước ước thực hiện 746,6 tỷ đồng chiếm 24%, giảm 5%; vốn ngoài nhà nước ước thực hiện 1.703,4 tỷ đồng chiếm 54,6%, giảm 33,8% và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước thực hiện 670 tỷ đồng chiếm 21,4%, giảm 55,4% so với năm 2022.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công; thường xuyên kiểm tra thực tế và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, giải ngân nguồn vốn các dự án. Năm 2023, tổng số vốn giải ngân đạt 137,72 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch vốn, trong đó các dự án do huyện làm chủ đầu tư 76,23 tỷ đồng chiếm 55,35%; hỗ trợ các dự án do UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư 61,49 tỷ đồng chiếm 44,65%; hoàn thành thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật 39 công trình xây dựng với tổng mức đầu tư sau thẩm định là 231,9 tỷ đồng; chủ yếu tập trung triển khai xây

dựng các công trình giao thông, thủy lợi, trường, lớp học và các công trình văn hóa phục vụ xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

- Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch được quan tâm chỉ đạo: Tập trung hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan và xã, thị trấn tăng cường quản lý công tác quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch trên địa bàn; đồng thời nâng cao chất lượng lập quy hoạch, gắn kết chặt chẽ giữa các cấp độ quy hoạch và các loại quy hoạch; kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch; điều chỉnh quy hoạch đảm bảo công khai, minh bạch.

c) Công tác Tài nguyên - Môi trường, giải phóng mặt bằng

- Tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 15/3/2022 về thực hiện Chỉ thị số 02-CT/HU ngày 10/12/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện. Trong năm đã phát hiện 51 trường hợp vi phạm mới, ban hành 29 văn bản yêu cầu các xã, thị trấn xử lý vi phạm theo quy định. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn trong việc giải quyết những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lập hồ sơ thu hồi đất, giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Hiện đại hóa hệ thống hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính các xã, thị trấn; rà soát các công trình dự án, lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024; hoàn thiện công nhận phương án dồn điền-đổi thửa chi tiết trên địa bàn theo thời gian đã được giao. Tiếp nhận và giải quyết 9.689 hồ sơ cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động, đăng ký thế chấp, xóa đăng ký thế chấp, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp, đính chính do sai sót GCN QSD đất theo quy định của pháp luật.

- Tích cực kiểm tra, đôn đốc các đơn vị liên quan tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ GPMB triển khai các dự án, công trình trên địa bàn như Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trình giai đoạn II; dự án xây dựng cầu vượt sông Bôi phục vụ ứng cứu di dân và phát triển kinh tế vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan-Gia Viễn; dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu nhà ở và dịch vụ công nhân phục vụ khu công nghiệp Gián Khẩu và địa bàn lân cận; dự án xây dựng trường Tiểu học Liên Sơn, xây dựng trụ sở công an xã Gia Minh, Gia Vân, Gia Lập,...

- Công tác quản lý nhà nước về môi trường được quan tâm; tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện rút ngắn thời gian thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị và nông thôn. Toàn huyện đã thực hiện thu gom, vận chuyển khoảng 7.700 m³ rác thải sinh hoạt vào xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải rắn của tỉnh.

d) Các hoạt động tài chính, ngân hàng, thương mại, dịch vụ, du lịch

- UBND huyện đã tập trung hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chấp hành dự toán thu, chi ngân sách được giao năm 2023. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2023 ước đạt 418,4 tỷ đồng, bằng 58,3% dự toán, bằng 143,4% so với năm 2022 (chủ yếu do thu tiền đấu giá quyền sử dụng các khu đất đặc thù thực hiện phân chia 100% cho ngân sách cấp tỉnh là 500 tỷ đồng chưa thực hiện được), trong đó: Thu tiền sử dụng đất ước đạt 289,46 tỷ đồng, đạt 48,2% dự toán; thu xổ số kiến thiết ước đạt 1,64 tỷ đồng, đạt 91,3% dự toán; thu thuế, phí và thu khác ước đạt 127,3 tỷ đồng, đạt 109,7% dự toán). Tổng chi ngân sách ước thực hiện 2.226,7 tỷ đồng, bằng 186,8% dự toán, trong đó chi đầu tư phát triển ước thực hiện 746,6 tỷ đồng (*nếu loại trừ kinh phí tạm ứng thanh toán năm trước chuyển sang là 396,8 tỷ đồng, thì chi đầu tư phát triển ước thực hiện 349,8 tỷ đồng, bằng 235,2% dự toán HĐND huyện giao*), chi thường xuyên ước thực hiện 890,2 tỷ đồng, bằng 112,1% dự toán, chi chuyển giao ngân sách xã ước thực hiện 461 tỷ đồng bằng 203,9% dự toán, chi nộp trả ngân sách cấp trên ước thực hiện 9,4 tỷ đồng, chi chuyển nguồn năm sau để thực hiện các chính sách theo quy định ước thực hiện là 119,5 tỷ đồng. Công tác thu chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, có hiệu quả đảm bảo đúng nguyên tắc, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cơ bản đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, việc thanh quyết toán công trình được tăng cường, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Ngành ngân hàng và các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã tích cực thực hiện chính sách giải ngân, tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ nghèo và các đối tượng vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, học tập góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác thanh toán, phát triển mạng lưới dịch vụ ngân hàng được quan tâm, tập trung triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu phí, lệ phí trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, bảo đảm ổn định thị trường, đáp ứng nhu cầu của người dân; tăng cường tuyên truyền vận động các doanh nghiệp và từng hộ kinh doanh trên địa bàn thực hiện văn minh thương mại, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết, bán hàng bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm việc vận chuyển, buôn bán

hàng giả, hàng cấm, hàng kém chất lượng và những hành vi kinh doanh trái pháp luật khác. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội ước đạt 11.951,6 tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2022.

- Công tác quản lý nhà nước về dịch vụ du lịch tiếp tục được tăng cường; tình hình an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn được đảm bảo. Công tác kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động văn hóa, phòng chống các tệ nạn xã hội nhằm tạo môi trường văn minh, lành mạnh được coi trọng. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá phát triển du lịch địa phương thông qua Tour du lịch trải nghiệm gắn với bảo tồn phát huy giá trị lịch sử văn hóa địa phương với chủ đề “Tìm về cội nguồn”. Phối hợp với Sở Du lịch tổ chức Lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch trên địa bàn huyện; ký kết và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Số lượng khách du lịch ước đạt trên 1,7 triệu lượt, doanh thu ước đạt 1.377 tỷ đồng, tăng 47,8% về lượt khách và 72% về doanh thu so với cùng kỳ năm 2022.

Vận tải hàng hóa và hành khách đạt ở mức tăng cao so với năm 2022, trong đó vận tải hàng hóa ước đạt 43.764 nghìn tấn, tăng 7,2%, doanh thu ước đạt 4.015,9 tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước; vận tải hành khách ước đạt 5.977 nghìn lượt khách, tăng 8,5%, doanh thu ước đạt 139,3 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2022.

1.2.2. Về văn hóa – xã hội

a) Dân số

Năm 2023, dân số toàn huyện là 124.015 người, mật độ bình quân là 700,56 người/km², tỉ lệ nữ chiếm 50,20% tổng dân số.

b) Lao động

Nguồn lao động năm 2023 là 88.820 người. Trong đó:

- Số người trong độ tuổi lao động là 87.677 người.
- Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số 98,7%.
- Số người đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng 109 người.
- Số lao động được giải quyết việc làm trong năm 1.100 người.

c) Thu nhập

Hoạt động kinh tế chủ yếu của Gia Viễn hiện nay vẫn là sản xuất nông

ngiệp. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế xã hội gần đây đã có sự dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng lao động làm việc trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, đồng thời giảm tỷ trọng trong ngành nông nghiệp

Qua quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đời sống kinh tế - xã hội nông thôn có bước cải thiện đáng kể, đặc biệt là công cuộc xóa đói giảm nghèo liên tục nhiều năm được giảm xuống đáng kể

Công tác dạy nghề, giới thiệu việc làm được chính quyền quan tâm thường xuyên, góp phần để người lao động tiếp cận với việc làm hay tự tạo ra việc làm, từng bước xóa đói giảm nghèo hiệu quả.

1.2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

Công tác thu hút đầu tư được quan tâm chỉ đạo tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các cụm công nghiệp Gia Vân, Gia Phú...góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện; tạo điều kiện cho các hộ dân vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất, tiếp tục vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi diện tích cấy lúa kém hiệu quả sang mô hình canh tác mới. Công tác dồn điền đổi thửa tiếp tục được chỉ đạo đến nay 20/20 xã thực hiện phê duyệt xong phương án dồn điền đổi thửa; 01 xã (Gia Tân) cấp giấy chứng nhận, các xã còn lại đang hoàn thiện hồ sơ, chỉnh lý bản đồ và làm thủ tục đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2.4. Văn hoá, xã hội, Y tế, Giáo dục:

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh, phong phú về hình thức, đa dạng về nội dung, bám sát các nhiệm vụ chính trị, hướng về các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, văn hoá quan trọng của đất nước, của địa phương đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống. Trong năm đã xây dựng 252 chương trình phát thanh với 2.000 tin, bài viết, bài phỏng vấn.

Các hoạt động thể thao diễn ra sôi nổi, đã tổ chức một số giải thi đấu TDTT theo kế hoạch đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả thiết thực. Đồng thời, mở các lớp năng khiếu, nghệ thuật dịp nghỉ hè cho các em thiếu niên, nhi đồng. Đoàn tuyển của huyện tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao đạt giải cao.

- Công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo, sửa chữa, nâng cấp các di tích lịch sử được chú trọng, đảm bảo đúng quy định của Nhà nước. Tập trung chỉ đạo công tác tổ chức Lễ hội năm 2023 với 18 lễ hội được tổ chức (*01 lễ hội cấp huyện, 16 lễ hội*

cấp xã, 01 cấp thôn); xây dựng mã quét QR cho các điểm di tích, các khu du lịch, tạo điểm nhấn và quảng bá du lịch tới du khách trong và ngoài tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; nâng cao chất lượng phong trào văn hóa, văn nghệ ở cơ sở góp phần bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống như hát chèo, hát xẩm, sử dụng các nhạc cụ dân tộc. Đẩy mạnh thực hiện xây dựng các danh hiệu văn hóa năm 2023 theo kế hoạch, năm 2023 có 94,4% gia đình đạt danh hiệu văn hóa tăng 0,3% so với năm 2022; giữ vững 99% khu dân cư đạt danh hiệu văn hóa và 84,3% cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm, thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, các chương trình mục tiêu về y tế, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm. Các cơ sở y tế duy trì tốt việc khám chữa bệnh, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Tiếp tục tập trung tuyên truyền và tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, nhất là bệnh Covid-19, Mác-bớt, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ,... Trong năm đã tổ chức khám cho 39.298 lượt bệnh nhân, điều trị nội trú cho 4.491 người bệnh tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2022; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho đối tượng người có công, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nhất là chương trình phối hợp với Bệnh viện Phổi Trung ương, Bệnh viện Phổi tỉnh tổ chức khám bệnh miễn phí cho trên 9 nghìn người dân tại các xã, thị trấn. Tích cực triển khai thực hiện công tác Dân số năm 2023 theo kế hoạch, đảm bảo ổn định tỷ lệ giảm sinh 0,15%0; mức giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng bình quân hàng năm đạt 0,2%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 94%, vượt kế hoạch đề ra, cao hơn so với tỷ lệ của tỉnh (93,35%). Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm trong năm 2023 (*Đoàn liên ngành huyện kiểm tra 74 cơ sở, trong đó kiểm tra 36 cơ sở trong dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội; 15 cơ sở trong Tháng hành động An toàn thực phẩm; 23 cơ sở trong dịp Tết Trung thu; đã nhắc nhở 14 cơ sở; không xử lý vi phạm hành chính*).

Ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022-2023, triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 đúng kế hoạch. Tăng cường kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất tại các trường học trên địa bàn để kịp thời có biện pháp nhằm nâng cao cơ sở vật chất cho các trường học theo tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia các mức độ. Năm 2023 có 02 trường (Mầm non Gia Thanh và trường Mầm non Gia Sinh) được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt kế hoạch đề ra, nâng tổng số các trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là

33/62 trường học, đạt 53,2%. Tích cực triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 4, lớp 8, lớp 11; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, các hội thi... cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh theo kế hoạch (Đạt 03 giải Nhất và 01 giải Nhì trong Hội thi Đình Trạng nguyên Tiếng Việt cấp Quốc gia năm học 2022-2023 giành cho học sinh Tiểu học, chiếm 50% số giải Nhất của tỉnh). Tham dự thi chọn học sinh giỏi lớp 9 THCS cấp tỉnh năm học 2022-2023 đạt kết quả cao (86 học sinh tham dự kỳ thi ở 9 môn, đạt 45 giải, trong đó có 01 giải Nhất, 11 giải Nhì, 21 giải Ba, 12 giải Khuyến khích. Đội tuyển Hóa xếp thứ Nhất toàn tỉnh. Huyện xếp thứ 6 toàn tỉnh, tăng 2 bậc so với năm học trước). Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 diễn ra đảm bảo nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 đạt kết quả cao (21 học sinh trúng tuyển vào Trường Lương Văn Tụy, trong đó có 01 Thủ khoa môn Tin học; điểm sàn 14,2 điểm, cao thứ 4/8 huyện, thành phố). Công tác khuyến học, khuyến tài được quan tâm chỉ đạo; tổ chức Chương trình tuyên dương, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong năm học 2022-2023 và trao học bổng "Cùng em vượt khó đến trường".

1.2.5. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự:

Lực lượng quân sự tiếp tục duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; phối hợp với Công an huyện, các cấp ủy, chính quyền địa phương nắm, quản lý chặt chẽ tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đặc biệt trong dịp lễ, Tết. Chỉ đạo 11 xã tổ chức thành công diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ năm 2023 đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả. Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức hiệp đồng lực lượng quân đội tham gia PCTT&TKCN trên địa bàn. Tổ chức thành công Gặp mặt, giới thiệu việc làm cho 198 quân nhân xuất ngũ trở về địa phương; hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ công an năm 2023 đảm bảo chất lượng. Tổ chức huấn luyện, hội thao, các lớp tập huấn, bồi dưỡng, năm 2023 đảm bảo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, an toàn. Tập trung xem xét, giải quyết chế độ, chính sách cho đối tượng theo quy định. Triển khai thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2024.

Lực lượng công an chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo, giải quyết tốt những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, phòng chống cháy nổ, tình hình công nhân tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước, đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin. Tích cực, chủ động triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, kế hoạch cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự tại các khu, điểm du lịch, lễ hội trên địa bàn; đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chỉ đạo tăng cường công tác

phòng cháy chữa cháy trên địa bàn. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 theo lộ trình. Trong năm 2023 phạm pháp hình sự xảy ra 19 vụ giảm 6 vụ so với năm 2022, đã điều tra làm rõ 18/19 vụ, đạt 94,7%. Kiểm tra, phát hiện, xử lý 1.486 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, phạt tiền trên 3,3 tỷ đồng.

1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

1.3.1. Lợi thế

Là cửa ngõ quan trọng của tỉnh, Gia Viễn có vị trí thuận lợi về giao thông trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa với các huyện thị xã trong và ngoài tỉnh. Trên địa bàn huyện tập trung nhiều tiềm năng lớn cho phát triển công nghiệp như khai thác đá làm nguyên vật liệu xây dựng và đá xây dựng.

Tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng kết hợp với các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh độc đáo nổi tiếng tạo cho huyện Gia Viễn có nhiều tiềm năng lớn để phát triển ngành du lịch.

Huyện có nguồn nhân lực dồi dào, người lao động cần cù năng động sáng tạo và có một số ngành nghề truyền thống đang trên đà phát triển.

Khi thị trường được mở rộng, môi trường đầu tư tốt hơn nhờ sự phát triển và hoàn thiện của hệ thống kết cấu hạ tầng, của sự thông thoáng của hệ thống chính sách... Các lợi thế trên sẽ thu hút các nhà đầu tư mở ra các nhà máy. Mặt khác, nhu cầu về xây dựng trong kỳ quy hoạch rất lớn, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu công nghiệp – cụm công nghiệp, các trung tâm cụm xã, các trung tâm thương mại, dịch vụ, các điểm dân cư tập trung, mở mang đô thị... Khi ngành xây dựng phát triển sẽ kéo theo sự phát triển của các ngành tiểu thủ công nghiệp, các hoạt động dịch vụ có liên quan, đồng thời góp phần tạo thêm công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động ở địa phương, góp phần tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

1.3.2. Những thách thức, hạn chế

Tài nguyên đất: Chủ yếu là đất phù sa không được bồi hàng năm. Chỉ một số xã có địa hình cao là phù hợp với cây màu và rau quả các loại. Tuy nhiên về mùa mưa với lượng mưa lớn, kết hợp với địa hình phức tạp gây ra úng lụt trên quy mô lớn, gây thiệt hại không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của huyện được cải thiện nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội hiện tại trong giai đoạn tới. Hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng viễn thông, các cơ sở giáo

dục, y tế, thể dục thể thao, các cơ sở phúc lợi xã hội... còn một số hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, mạnh và vững chắc trong kỳ quy hoạch.

Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai chưa cao; các ngành dịch vụ phục vụ nông nghiệp chưa phát triển đáp ứng yêu cầu thực tế. Tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm nghiệp còn khá cao; chất lượng nguồn lao động chưa cao.

1.3.3. Đánh giá chung

Trong thời gian qua, công tác quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn huyện dần đi vào nề nếp đảm bảo theo các quy định của pháp luật; cơ cấu sử dụng đất tương đối phù hợp; việc giao đất và cấp GCNQSDĐ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được triển khai đồng bộ, rộng rãi cùng với các chế độ chính sách về đất đai được thực hiện đã giúp cho người sử dụng đất chủ động hơn trong việc khai thác, sử dụng nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên một đơn vị đất đai, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai được nâng lên.

Trong những năm gần đây nền kinh tế - xã hội của huyện có những bước tăng trưởng khá nên nhu cầu sử dụng đất của các lĩnh vực, các ngành, cơ sở sản xuất cũng như nhu cầu về đất ở ngày càng tăng, việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp nên diện tích đất nông nghiệp giảm đi qua các năm. Để đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao đó mà vẫn đảm bảo được vấn đề An ninh lương thực đòi hỏi huyện Gia Viễn cần có hướng đi mới, hợp lý hơn nữa trong vấn đề quản lý và sử dụng đất nhằm khai thác tối đa nguồn tài nguyên đất đai đồng thời vẫn đảm bảo các yêu cầu của phát triển bền vững.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Gia Viễn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 bao gồm 62 công trình dự án với tổng diện tích là 339,04 ha. Kết quả tính đến 31/12/2023 huyện đã thực hiện 06 công trình, dự án với tổng diện tích 3,51ha.

Bảng 2.1. Danh mục công trình dự án đã thực hiện năm 2023

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
1	Trụ sở công an xã	CAN	0,20	Gia Minh	Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh
2	Nâng cấp trạm bơm Gia Vân và hệ thống kênh tiêu chính	DTL	0,50	Gia Vân	- Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 7/9/2023 của UBND tỉnh
3	Nhà thờ giáo họ Hoài Lai	TON	0,06	Gia Phương	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh
4	Chùa Thiện Hối	TON	0,15	Gia Tân	Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh
5	Nâng cấp tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trình (giai đoạn 1)	DGT	2,59	Gia Minh, Gia Lạc, Gia Phong	- Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh
6	Khôi phục đền Mối thôn Lạc Khoái	TIN	0,01	Gia Lạc	Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND huyện

- Đang thực hiện 6 công trình, dự án với tổng diện tích 25,5ha, bao gồm:

+ Trụ sở công an xã Gia Lập diện tích 0,2ha;

+ Trụ sở công an xã Gia Vân diện tích 0,2ha;

+ Dự án nâng cấp tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trình (giai đoạn 2) qua các xã Gia Minh, Gia Lạc, Gia Phong, Gia Sinh diện tích 19,85ha;

+ Dự án cầu vượt sông Bôi ĐT.477E phục vụ ứng cứu di dân và phát triển kinh tế vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan, Gia Viễn tại xã Gia Hưng diện tích 2,33ha;

+ Đất ở khu đường ĐT 477 đi Tân Long Mỹ xã Gia Lập 2,62ha;

+ Chùa Hạ xã Gia Trung diện tích 0,3ha.

Bảng 2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Gia Viễn

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (đến 31/12/2023)		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		17.730,54	17.730,54	0,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.887,46	12.141,33	253,87	102,14
	<i>Trong đó:</i>		-			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.742,03	6.930,83	188,80	102,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.915,95</i>	<i>4.053,21</i>	<i>137,26</i>	<i>103,51</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	374,15	387,30	13,15	103,51
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	660,96	678,20	17,24	102,61
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	824,55	825,77	1,22	100,15
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.402,74	2.404,74	2,00	100,08
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	144,22	154,89	10,67	107,40
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	711,78	733,91	22,13	103,11
1.8	Đất làm muối	LMU	-			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	27,03	25,69	-1,34	95,04
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.438,76	5.165,28	-273,48	94,97
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	36,25	38,52	2,27	106,26
2.2	Đất an ninh	CAN	82,36	78,30	-4,06	95,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	234,86	202,86	-32,00	86,37
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	164,43	164,43	0,00	100,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	87,98	48,12	-39,86	54,69
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	85,09	57,06	-28,03	67,06
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	57,27	45,65	-11,62	79,71
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	159,57	183,27	23,70	114,85
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.589,36	2.474,72	-114,65	95,57
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.373,50</i>	<i>1.265,57</i>	<i>-107,93</i>	<i>92,14</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>688,49</i>	<i>696,42</i>	<i>7,94</i>	<i>101,15</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>8,08</i>	<i>5,97</i>	<i>-2,11</i>	<i>73,88</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>7,03</i>	<i>7,07</i>	<i>0,04</i>	<i>100,57</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>63,20</i>	<i>54,64</i>	<i>-8,56</i>	<i>86,46</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>20,79</i>	<i>16,27</i>	<i>-4,52</i>	<i>78,26</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3,35</i>	<i>3,51</i>	<i>0,16</i>	<i>104,78</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,81</i>	<i>0,81</i>	<i>0,00</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>192,92</i>	<i>192,92</i>	<i>0,00</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>7,11</i>	<i>7,40</i>	<i>0,29</i>	<i>104,08</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>19,97</i>	<i>19,67</i>	<i>-0,30</i>	<i>98,50</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>193,93</i>	<i>194,09</i>	<i>0,16</i>	<i>100,08</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>-</i>			

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (đến 31/12/2023)		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-			
-	Đất chợ	DCH	10,18	10,36	0,18	101,77
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	0,00	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	0,00	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,41	1,11	-1,30	46,10
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.037,24	975,38	-61,86	94,04
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	60,31	52,58	-7,73	87,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,11	24,10	-0,01	99,96
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10	0,10	0,00	100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	19,61	19,65	0,04	100,20
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	536,41	537,84	1,43	100,27
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	261,19	261,39	0,20	100,08
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,21		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	404,31	423,93	19,61	104,85

2.1.1. Chỉ tiêu đất nông nghiệp

Chỉ tiêu được phê duyệt là 11.887,46 ha. Kết quả thực hiện là 12.141,33 ha, cao hơn 253,87ha, đạt tỷ lệ 102,14% so với kế hoạch được duyệt, trong đó:

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu được phê duyệt là 6.742,03 ha, kết quả thực hiện là 6.930,83 ha, cao hơn 188,80ha, đạt tỷ lệ 102,80% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng cây hàng năm khác: Chỉ tiêu được phê duyệt là 374,15 ha, kết quả thực hiện là 387,30 ha, cao hơn 13,15ha, đạt tỷ lệ 103,51% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu được phê duyệt là 660,96 ha, kết quả thực hiện là 678,20 ha, cao hơn 17,24ha, đạt tỷ lệ 102,61% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất rừng phòng hộ: Chỉ tiêu được phê duyệt là 824,55 ha, kết quả thực hiện là 825,77 ha, cao hơn 1,22 ha, đạt tỷ lệ 100,15% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất rừng đặc dụng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 2.402,74 ha, kết quả thực hiện đến là 2.404,74 ha, cao hơn 2,00ha, đạt tỷ lệ 100,08% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu được phê duyệt là 144,22 ha, kết quả thực hiện là 154,89 ha, cao hơn 10,67ha, đạt tỷ lệ 107,40% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu được phê duyệt là 711,78 ha, kết quả thực hiện là 733,91 ha, cao hơn 22,13ha, đạt tỷ lệ 103,11% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất nông nghiệp khác: chỉ tiêu được phê duyệt là 27,03 ha, kết quả thực hiện là 25,69 ha, thấp hơn 1,34ha, đạt tỷ lệ 95,04% so với kế hoạch được duyệt;

2.1.2. Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu được phê duyệt là 5.438,76 ha. Kết quả thực hiện là 5.165,28 ha, thấp hơn 273,48ha, đạt tỷ lệ 94,97% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 36,25 ha, kết quả thực hiện là 38,52 ha, cao hơn 2,27ha, đạt tỷ lệ 106,26% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện được dự án Đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam) đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình (dự án lấy vào 2,27ha đất quốc phòng)

- Đất an ninh: Chỉ tiêu được phê duyệt là 82,86 ha, kết quả thực hiện là 78,30 ha, thấp hơn 4,06ha, đạt tỷ lệ 95,07% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu được phê duyệt là 234,86 ha, kết quả thực hiện là 202,86 ha, thấp hơn 32,0 ha, đạt tỷ lệ 86,37% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu được phê duyệt là 164,43 ha, kết quả thực hiện là 164,43 ha, đạt 100,00%.

- Đất thương mại dịch vụ: Chỉ tiêu được phê duyệt là 87,98 ha, kết quả thực hiện là 48,12 ha, thấp hơn 39,86 ha, đạt tỷ lệ 54,69% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu được phê duyệt là 85,09 ha, kết quả thực hiện là 57,06 ha, thấp hơn 28,03 ha, đạt tỷ lệ 67,06% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Chỉ tiêu được phê duyệt là 57,27 ha, kết quả thực hiện là 45,65 ha, thấp hơn 11,62 ha, đạt tỷ lệ 79,71% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Chỉ tiêu được phê duyệt là 159,57ha, kết quả thực hiện là 183,27 ha, cao hơn 23,70 ha, đạt tỷ lệ 114,85% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất phát triển hạ tầng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 2.589,36 ha, kết quả thực hiện là 2.474,72 ha, thấp hơn 114,65 ha, đạt tỷ lệ 95,57% so với kế hoạch

được duyệt.

+ Đất giao thông: Chỉ tiêu được phê duyệt là 1.373,50ha, kết quả thực hiện là 1.265,57ha, thấp hơn 107,93ha, đạt tỷ lệ 92,14% so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất thủy lợi: Chỉ tiêu được phê duyệt là 688,49ha, kết quả thực hiện là 696,42ha, cao hơn 7,94ha, đạt tỷ lệ 101,15% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích cao hơn kế hoạch được duyệt có nhiều dự án lấy từ đất thủy lợi nhưng chưa thực hiện được như khu công nghiệp, đường giao thông, khu dân cư nông thôn ..

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu được phê duyệt là 8,08ha, kết quả thực hiện là 5,97ha, thấp hơn 2,11ha, đạt tỷ lệ 73,88% so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo: Chỉ tiêu được phê duyệt là 63,20ha, kết quả thực hiện là 54,64ha, thấp hơn 8,56ha, đạt tỷ lệ 86,46% so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Chỉ tiêu được phê duyệt là 20,79ha, kết quả thực hiện là 16,27ha, thấp hơn 4,52ha, đạt tỷ lệ 78,26 % so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 3,35 ha, kết quả thực hiện là 3,51ha, cao hơn 0,16ha, đạt tỷ lệ 104,78% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do 1 dự án đất khu công nghiệp và 2 dự án thủy lợi lấy vào đất năng lượng nhưng chưa thực hiện được.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Chỉ tiêu được phê duyệt là 0,81 ha, kết quả thực hiện là 0,81ha, bằng với kế hoạch được duyệt.

+ Đất di tích lịch sử văn hóa: Chỉ tiêu được phê duyệt là 192,92ha, kết quả thực hiện là 192,92ha bằng với kế hoạch được duyệt.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Chỉ tiêu được phê duyệt là 7,11ha, kết quả thực hiện là 7,40ha, cao hơn 0,29ha, đạt tỷ lệ 104,08% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do chưa thực hiện được dự án mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu lấy vào 0,29ha đất bãi thải, xử lý chất thải.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: Chỉ tiêu được phê duyệt là 193,93ha, kết quả thực hiện là 194,09ha, cao hơn 0,16ha, đạt tỷ lệ 100,08% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do chưa thực hiện được các dự án lấy vào đất nghĩa trang, nghĩa địa như mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu; đường Bái Đính Ba Sao, Cải tạo, nâng cấp ĐT.477...

+ *Đất chợ*: Chỉ tiêu được phê duyệt là 10,18ha, kết quả thực hiện là 10,36ha, cao hơn 0,18ha, đạt tỷ lệ 101,77% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do chưa thực hiện được dự án Đường Bái Đính – Ba Sao lấy vào đất chợ 0,18ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí: Chỉ tiêu được phê duyệt là 2,41ha, kết quả thực hiện là 1,11ha, thấp hơn 1,30 ha, đạt tỷ lệ 46,10% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu được phê duyệt là 1.037,24 ha, kết quả thực hiện là 975,38 ha, thấp hơn 61,86ha, đạt tỷ lệ 94,04% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu được phê duyệt là 60,31 ha, kết quả thực hiện là 52,58 ha, thấp hơn 7,73ha, đạt tỷ lệ 87,18% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu được phê duyệt là 24,11 ha, kết quả thực hiện là 24,10 ha, thấp hơn 0,01 ha, đạt tỷ lệ 99,96% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu được phê duyệt là 0,1 ha, kết quả thực hiện là 0,10 ha, đạt 100,0%.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: chỉ tiêu được phê duyệt là 19,61 ha, kết quả thực hiện là 19,65 ha, cao hơn 0,04ha, đạt tỷ lệ 100,20% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do chưa thực hiện được dự án Đường Bái Đính – Ba Sao lấy vào đất tín ngưỡng.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: chỉ tiêu được phê duyệt là 536,41 ha, kết quả thực hiện là 537,84 ha, cao hơn 1,43 ha, đạt tỷ lệ 100,27% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do chưa thực hiện được dự án Dự án nâng cấp tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trình (giai đoạn 2); Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường và kênh T2, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đường và kênh bản đông

- Đất có mặt nước chuyên dùng: chỉ tiêu được phê duyệt là 261,19 ha, kết quả thực hiện là 261,39 ha, cao hơn 0,2 ha, đạt tỷ lệ 100,08% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do chưa thực hiện được dự án Đường Bái Đính – Ba Sao lấy vào đất mặt nước chuyên dùng.

- Đất phi nông nghiệp khác: chỉ tiêu được phê duyệt là 0,21 ha, kết quả thực hiện là 0,21 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

2.1.3. Đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu được phê duyệt là 404,31 ha. Kết quả thực hiện là 423,93 ha, còn 19,61 ha chưa đưa vào thực hiện theo kế hoạch.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Gia Viễn

- Kết quả thực hiện kế hoạch còn thấp. Phương án quy hoạch, kế hoạch dự báo chưa theo kịp với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế xã hội huyện.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về điều chỉnh hoặc huỷ bỏ quy hoạch chưa được quan tâm. Nhiều khu vực quy hoạch không còn phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Kế hoạch sử dụng đất chưa lồng ghép cụ thể các vấn đề bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chưa đề cập đến các giải pháp đánh giá ô nhiễm, thoái hóa đất, chưa đưa ra những định hướng sử dụng đất, đặc biệt là đất nông nghiệp để thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Gia Viễn

- Các xã, thị trấn lập danh mục công trình, dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 còn chưa sát thực, nhiều công trình chưa có tính khả thi.

- Yêu cầu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao đòi hỏi rất nhiều công trình, dự án phải cùng thực hiện trong một thời gian ngắn, trong khi đó nguồn thu các xã, thị trấn lại rất khó khăn chỉ trông chờ vào cấp trên hỗ trợ và tiền đầu giá đất.

- Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất nói chung, chuyển mục đích sử dụng đất để đấu giá quyền sử dụng đất ở nói riêng theo luật Đất đai mới đòi hỏi rất nhiều thủ tục, nhiều công đoạn (thời gian chậm, kéo dài), giải phóng mặt bằng đất lúa gặp khó khăn

- Một số chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất 2023 còn chưa sát. Nhiều công trình rất cần thiết nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn vốn nên không thực hiện được đây là một trong những nguyên nhân khách quan dẫn đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2023 đạt thấp.

- Hầu hết các địa phương thiếu nguồn vốn để thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các dự án có nhu cầu sử dụng đất và không có năng lực tài chính để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, làm cho kế hoạch sử dụng đất chậm tiến độ hoặc không thực hiện được.

- Do công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật của Nhà nước về Luật đất đai như: thủ tục, trình tự giao đất, thu hồi đất, quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, chưa được chú trọng nên nhiều người dân chưa hiểu biết, không nắm rõ các quy định của Nhà nước nên đã gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN GIA VIỄN

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Các công trình cấp tỉnh trên địa bàn của huyện trong năm 2024 như sau:

Bảng 3.1: Danh mục công trình cấp tỉnh trên địa bàn huyện

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
I	ĐẤT AN NINH	2,78	
1	Trụ sở Công an các xã, thị trấn	2,78	Các xã
II	ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP	35,00	
1	Mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu	35,00	Gia Tân

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực chưa thực hiện năm 2023 phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Các công trình dự án phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và được chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 bao gồm các công trình sau:

Bảng 3.2: Danh mục công trình dự án chuyển tiếp từ kế hoạch 2023

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
I	ĐẤT AN NINH		
1	Trụ sở Công an các xã	2,78	Các xã
II	ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP		
2	Mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu	35,00	Gia Tân
III	ĐẤT GIAO THÔNG		
3	Đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam) đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I+ II)	45,41	Gia Hòa, Gia Thắng, Gia Tiến, Gia Phương, Gia Vượng, TT Me
4	Dự án nâng cấp tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trình (giai đoạn 2)	19,85	Gia Minh, Gia Lạc, Gia Phong, Gia Sinh
5	Cơ sở hạ tầng khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Gián Khẩu	2,05	Gia Trán, Gia Tân
6	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.477 (đoạn từ ngã 3 Gián Khẩu đến hết phạm vi khu 50 ha - Khu CN Gián Khẩu)	5,35	Gia Tân, Gia Trán

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
7	Dự án cầu vượt sông Bôi ĐT.477E phục vụ ứng cứu di dân và phát triển kinh tế vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan, Gia Viễn	2,33	Gia Hưng
8	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường và kênh T2, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đường và kênh bản đồng	1,05	Gia Thịnh
9	Đường giao thông dây 2,3 đường ĐT477 đi Tân Long Mỹ (đổi diện trường Mầm Non)	0,77	Gia Lập
10	Mở rộng, nâng cấp đường liên xã đoạn từ điểm nối đường 30 đến ngã 3 UBND xã	0,80	Gia Tân
11	Xây dựng đường Tân An kết hợp kênh tưới N5 đoạn từ xã Gia Thắng đến xã Gia Lập	1,50	Gia Thắng, Gia Lập
12	Đường trục chính xã Gia Phương (Văn Hà 1-Vĩnh Ninh)	1,10	Gia Phương
13	Đất cơ sở hạ tầng cơ chế đặc thù xã Gia Vượng	0,10	Gia Vượng, TT Me
IV	ĐẤT THỦY LỢI		
14	Nâng cấp kênh tiêu Rộc Cả - Bắc Tân Hưng xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn	0,46	Gia Hưng
15	Trạm bơm và kênh tiêu trạm bơm	1,00	TT Me
16	Rãnh thoát nước khu 50 ha mở rộng khu CN Gián Khẩu	1,49	Gia Tân
VI	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ VĂN HÓA		
17	Nhà văn hóa xã Gia Thắng	0,22	Gia Thắng
18	Xây dựng đài tưởng niệm xã Gia Tiến	0,34	Gia Tiến
19	Trung tâm sinh hoạt cộng đồng xóm Trung Chính và khu công viên cây xanh	0,85	Gia Tân
VII	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
20	Mở rộng trường mầm non	0,40	Gia Minh
21	Mở rộng trường tiểu học xã Gia Phong	1,12	Gia Phong
22	Mở rộng trường mầm non và đường vào trường	0,50	Gia Lạc
23	Trường tiểu học và trường THCS Liên Sơn	3,33	Liên Sơn
VIII	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ THỂ DỤC, THỂ THAO		
24	Sân thể thao xã	0,50	Gia Thắng
25	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Gia Phong	1,60	Gia Phong
26	Trung Tâm văn hoá thể thao xã Gia Lập	2,50	Gia Lập
IX	ĐẤT KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ		
27	Khu dân cư thị trấn Me Trong đó: ODT 5,17 ha, HTKT 3,13 ha	8,30	TT Me
X	ĐẤT KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN		

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
28	Khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Gián Khẩu	24,00	Gia Trán, Gia Tân
29	Khu dân cư khu đồng Chằm Trong đó: ODT 1,9ha, ONT 2,77 ha, DGT 4,25ha	8,92	Gia Thịnh, Gia Phú, TT Me
30	Khu dân cư Gò Bực (Phía tây Cụm công nghiệp Gia Phú).	1,60	Gia Phú
31	Khu dân cư Chăm Ve, Ao Sen (phía Bắc sông Bôi, xã Gia Phú) Trong đó: ONT 4,68 ha, HTKT 4,1 ha	8,78	Gia Phú
32	Khu dân cư Chiều Sâu Mả Mây Trong đó: ONT 3,71 ha, HTKT 4,29 ha, DKV 1 ha	9,00	Gia Vân
33	Khu dân cư xã Gia Thịnh Trong đó: ONT 5,43 ha, HTKT 3,89 ha	9,32	Gia Thịnh
34	Đất ở khu đường ĐT 477 đi Tân Long Mỹ	2,62	Gia Lập
35	Khu dân cư mới Phú Trường, Đồng Cùg Trong đó: ONT 7,4 ha, HTKT 4,35 ha	11,75	Gia Lập
36	Tái định cư khu nhà ở Thanh Bình và đấu giá Trong đó: ONT 1,22 ha, DKV 0,3 ha, DHT 1,58 ha	3,10	Gia Tân
37	Khu dân cư xóm Mới, Đông Thượng Trong đó: ONT 5,17 ha, HTKT 5,13 ha, DVH 0,7 ha	11,00	Gia Tân
XI	ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN		
38	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã	0,37	Gia Thăng
XII	ĐẤT CƠ SỞ TÔN GIÁO		
39	Chùa Hạ	0,30	Gia Trung
XIII	ĐẤT LAM NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA		
40	Mở rộng nghĩa địa thôn Đồng Chùa, Trinh Phú, nghĩa trang Gia Thịnh	0,93	Gia Thịnh
41	Mở rộng nghĩa trang Gia Phương	0,30	Gia Phương
XVI	ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP		
42	Nhà máy nước khoáng thiên nhiên	2,53	Gia Hưng
XVII	ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN		
43	Nhà máy chế biến khoáng sản	2,62	Gia Thanh
44	Mỏ đá sét xi măng Vissai	7,00	Gia Hòa
XVIII	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ		
45	Khu thương mại dịch vụ Vườn Thị, Cầu Xanh	17,55	Gia Hòa

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024

Nhu cầu sử dụng đất đăng kí mới của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2024 bao gồm các công trình sau:

Bảng 3.3: Danh mục công trình dự án đăng ký mới năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
I	ĐẤT GIAO THÔNG		
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT477C, đoạn từ Km4+300 (cầu Thống Nhất) đến Km9+800 (đê hữu Hoàng Long)	0,06	Gia Phong, Gia Lạc
2	Nâng cấp tuyến từ UBND xã đến đê Hoàng Long, nhánh đến trường THCS Gia Lạc	0,51	Gia Lạc
3	Mở rộng đường từ đình Trùng Hạ đi ĐT.477	0,14	Gia Tân
II	ĐẤT THỦY LỢI		
4	Xử lý cấp bách tuyến đê bao đoạn từ ngã ba sông Lạng và khép kín tuyến đê bao xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn	2,62	Gia Lạc
5	Nâng cấp trạm bơm Phương Đông	0,20	Gia Thanh
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bao sông Hoàng Long cắt (giai đoạn 1)	3,00	Gia Trung
III	ĐẤT NĂNG LƯỢNG		
7	Đường dây 220kv Nho Quan - Thanh Nghị	1,25	Gia Minh, Gia Phong, Gia Lạc, Gia Lập, Gia Phương, Gia Thanh, Gia Trung, Gia Vân
IV	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ VĂN HÓA		
8	Nhà văn hoá thôn Vân La	0,07	Gia Thắng
9	Xây dựng trung tâm học tập cộng đồng các xóm	0,92	Gia Lạc
V	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
10	Trường THCS xã Gia Hòa	2,45	Gia Hòa
11	Trường THCS xã Gia Lập	1,90	Gia Lập
12	Trường THCS xã Gia Thịnh	1,90	Gia Thịnh
13	Trường THPT Gia Viễn C	4,35	Gia Lạc
14	Mở rộng trường Tiểu học và trung học cơ sở Gia Phú	1,11	Gia Phú
15	Mở rộng trường THCS Gia Trung	2,00	Gia Trung
16	Mở rộng trường mầm non	0,10	Gia Phong
VI	ĐẤT DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA		
17	Dự án xây dựng hạ tầng, cảnh quan khu di tích danh thắng Tràng An (Di chuyển 09 hộ dân xóm 9, xã Gia Sinh ra khỏi vùng lõi Di sản danh thắng Tràng An)	2,38	Gia Sinh
VII	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ		

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
18	Chuyên mục đích đất xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	0,88	TT Me
VIII	ĐẤT KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN		
19	Khu dân cư Cầu Chèm (khu dân cư trung tâm xã Gia Thanh) Trong đó: ONT 7,22 ha, DGT 5,15 ha	12,37	Gia Thanh
20	Chuyên mục đích sử dụng đất xen kẹt trong khu dân cư	7,19	Các xã
IX	ĐẤT CƠ SỞ TÔN GIÁO		
21	Mở rộng chùa Vô Giá	0,24	Gia Hòa
X	ĐẤT LÀM NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA		
22	Xây dựng nghĩa trang Bái Thánh	2,00	Gia Lạc
XI	ĐẤT CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG		
23	Nhà thờ họ Nguyễn Oánh	0,03	Gia Trung
XII	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ		
24	Khu thương mại và dịch vụ giao thông	1,04	Gia Thịnh

3.3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất

Bảng 3.4. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 toàn huyện

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	LOẠI ĐẤT		17.730,54	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.886,28	67,04
	<i>Trong đó:</i>		-	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.739,07	38,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.903,89</i>	<i>22,02</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	373,49	2,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	660,04	3,72
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	824,67	4,65
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.402,72	13,55
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	143,22	0,81
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	717,38	4,05
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	25,69	0,14
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.440,57	30,68
	<i>Trong đó:</i>			-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	37,28	0,21
2.2	Đất an ninh	CAN	81,06	0,46
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	234,86	1,32
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	164,43	0,93

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	65,61	0,37
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	59,54	0,34
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	55,27	0,31
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	183,27	1,03
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.612,26	14,73
	<i>Trong đó:</i>		-	-
-	Đất giao thông	DGT	1.372,02	7,74
-	Đất thủy lợi	DTL	696,09	3,93
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,01	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,03	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	73,36	0,41
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	20,79	0,12
-	Đất công trình năng lượng	DNL	4,60	0,03
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,81	0,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	195,30	1,10
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,11	0,04
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,21	0,11
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	195,73	1,10
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-
-	Đất chợ	DCH	10,18	0,06
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,41	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.043,44	5,88
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	60,26	0,34
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,33	0,14
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	19,62	0,11
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	535,54	3,02
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	261,09	1,47
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	403,69	2,28

Chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã:

(Chi tiết tại phụ biểu 06/CH)

3.3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2024 diện tích theo kế hoạch là 11.886,28 ha chiếm 67,04% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện. Để đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế nhưng vẫn đảm bảo cho ngành nông nghiệp phát triển bền vững thì diện tích đất nông nghiệp sẽ thực giảm 255,05 ha so với năm 2023, cụ thể các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: Kế hoạch năm 2024 là 6.739,07 ha, chiếm 38,01% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 191,76 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 6.739,07 ha.

+ Diện tích giảm do: Chuyển sang đất an ninh 2,58 ha, chuyển sang đất khu công nghiệp 31,00 ha, chuyển sang đất thương mại dịch vụ 7,33 ha, chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,91 ha, chuyển sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 1,30 ha, chuyển sang đất hạ tầng 85,91 ha, chuyển sang đất khu vui chơi 1,0 ha, chuyển sang đất ở tại nông thôn 54,86 ha, chuyển sang đất ở đô thị 5,50 ha, chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,37 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch năm 2024 là 373,49 ha, chiếm 2,11 % so với tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 13,81 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 373,49 ha.

+ Diện tích giảm do: Chuyển sang đất an ninh 0,02 ha, chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,30 ha, chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,05 ha, chuyển sang đất hạ tầng 12,12 ha, chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,3 ha, chuyển sang đất ở tại đô thị 1,02 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch năm 2024 là 660,04 ha, chiếm 3,72% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 18,16 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 660,04 ha.

+ Diện tích giảm do: Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,48ha; chuyển sang đất hạ tầng 13,03 ha, chuyển sang đất ở nông thôn 4,11 ha, chuyển sang đất ở đô thị 0,54 ha.

- Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch năm 2024 là 824,67 ha, chiếm 4,65% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 1,10 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 824,67 ha.

+ Diện tích giảm do: Chuyển sang đất hạ tầng 1,10 ha.

- Đất rừng đặc dụng: Kế hoạch năm 2024 là 2.402,72 ha, chiếm 13,55% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 2,02 ha so với năm 2023.

- + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 2.402,72 ha
- + Diện tích giảm do chuyển sang đất hạ tầng 2,02 ha.
- Đất rừng sản xuất: Kế hoạch năm 2024 là 143,22 ha, chiếm 0,81% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 11,67 ha so với năm 2022.
- + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 143,22 ha.
- + Diện tích giảm do: Chuyển sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 7,00 ha, chuyển sang đất hạ tầng 4,67 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch năm 2024 là 717,38 ha, chiếm 4,05% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 16,53 ha so với năm 2023.
- + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 717,38 ha.
- + Diện tích giảm do: Chuyển sang đất khu công nghiệp 1,08 ha, chuyển sang đất thương mại dịch vụ 4,84 ha, chuyển sang đất hạ tầng 5,74 ha, chuyển sang đất ở tại nông thôn 4,53 ha, chuyển sang đất ở đô thị 0,34 ha.
- Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch năm 2024 là 25,69 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên, không biến động so với năm 2023.

3.3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch

Đất phi nông nghiệp có xu thế tăng lên do chu chuyển tăng từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng chuyển sang, đất phi nông nghiệp theo kế hoạch năm 2024 là 5.440,57 ha chiếm 30,68% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện thực tăng 275,29 ha so với năm 2023, cụ thể các loại đất như sau:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch năm 2024 là 37,28 ha, chiếm 0,21% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 1,24 ha so với năm 2023.
- + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 37,28 ha
- + Diện tích giảm 1,24 ha do chuyển sang đất hạ tầng.
- Đất an ninh: Kế hoạch năm 2024 là 81,06 ha, chiếm 0,46% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 2,76 ha so với năm 2023.
- + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 78,28 ha.
- + Diện tích tăng 2,78 ha do: Đất trồng lúa chuyển sang 2,58 ha, đất trồng cây hàng năm chuyển sang 0,02 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang 0,05 ha, đất chưa sử dụng chuyển sang 0,13 ha.
- + Diện tích giảm 0,02ha do chuyển sang đất hạ tầng.
- Đất khu công nghiệp: Kế hoạch năm 2024 là 234,86 ha, chiếm 1,32% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 32,00 ha so với năm 2023.

- + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 199,86 ha.
- + Diện tích giảm 3,00 ha do chuyển sang đất hạ tầng.
- + Diện tích tăng 35,00 ha do: đất trồng lúa chuyển sang 31 ha, đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang 1,08 ha, đất hạ tầng chuyển sang 2,55 ha, đất chưa sử dụng chuyển sang 0,37 ha.
 - Đất cụm công nghiệp: Kế hoạch năm 2024 là 164,43 ha, chiếm 0,93% tổng diện tích tự nhiên, không thay đổi so với năm 2023.
 - Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch năm 2024 là 65,61 ha, chiếm 0,37% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 17,49 ha so với năm 2023.
 - + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 48,06 ha.
 - + Diện tích giảm 0,06 ha do chuyển sang đất hạ tầng 0,06 ha.
 - + Diện tích tăng 17,55 ha do: Đất trồng lúa chuyển sang 7,33 ha, đất trồng cây hàng năm chuyển sang 0,30 ha, đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang 4,84 ha, đất chưa sử dụng chuyển sang 5,08 ha.
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kế hoạch năm 2024 là 59,54 ha, chiếm 0,34% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 2,48 ha so với năm 2023.
 - + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 57,01 ha.
 - + Diện tích tăng 2,53 ha do: đất trồng lúa 1,91 ha, đất trồng hàng năm 0,05 ha, đất trồng cây lâu năm 0,48 ha, đất hạ tầng chuyển sang 0,09 ha.
 - + Diện tích giảm 0,05 ha do chuyển sang đất hạ tầng.
 - Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Kế hoạch năm 2024 là 55,27 ha, chiếm 0,31% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 9,62 ha so với năm 2023.
 - + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 45,65 ha.
 - + Diện tích tăng do: Đất trồng lúa chuyển sang 1,30 ha, đất rừng sản xuất chuyển sang 7 ha, đất hạ tầng chuyển sang 0,12 ha và đất chưa sử dụng chuyển sang 1,2 ha.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch năm 2024 là 183,27 ha, chiếm 1,03% tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi so với năm 2023.
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Kế hoạch năm 2024 là 2.612,26 ha, chiếm 14,73% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 137,54 ha so với năm 2023.
 - + Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 2.445,83 ha.

+ Diện tích giảm 18,89 ha do: Chuyển sang đất khu công nghiệp 2,55 ha, chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,09 ha, chuyển sang đất khoáng sản 0,12 ha, chuyển sang đất ở tại nông thôn 6,53 ha, chuyển sang đất ở đô thị 0,53 ha, đất tín ngưỡng 0,03 ha.

+ Diện tích tăng 156,43 ha do: Đất trồng lúa chuyển sang 85,91 ha, đất trồng cây hàng năm chuyển sang 12,12 ha, đất trồng cây lâu năm chuyển sang 13,03 ha, đất rừng phòng hộ chuyển sang 1,10 ha, đất rừng đặc dụng chuyển sang 2,02 ha, đất rừng sản xuất chuyển sang 4,67 ha, đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang 5,74 ha, đất quốc phòng chuyển sang 1,24 ha, đất an ninh chuyển sang 0,02 ha, đất khu công nghiệp chuyển sang 3,00 ha, đất thương mại dịch vụ 0,06 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang 0,05 ha, đất ở tại nông thôn chuyển sang 4,93 ha, đất ở tại đô thị chuyển sang 0,27 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang 0,09 ha, đất cơ sở tín ngưỡng chuyển sang 0,04 ha, đất sông ngòi kênh rạch chuyển sang 2,27 ha, đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 0,30 ha, đất chưa sử dụng chuyển sang 10,53 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Kế hoạch năm 2024 là 2,41 ha, chiếm 0,01% so với tổng diện tích tự nhiên, tăng 1,3 ha so với năm 2023:

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất là 1,11 ha;

+ Diện tích tăng 1,3 ha do được chuyển sang từ đất trồng lúa 1 ha; đất chưa sử dụng 0,3 ha.

- Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch năm 2024 là 1.043,44 ha, chiếm 5,88% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 68,06 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 970,45 ha.

+ Diện tích giảm 4,93 ha do: Chuyển sang đất hạ tầng 4,93 ha.

+ Diện tích tăng 72,99 ha do: Đất trồng lúa chuyển sang 54,86 ha, đất trồng cây hàng năm 0,30 ha, đất trồng cây lâu năm 4,11ha, đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang 4,53 ha, đất hạ tầng chuyển sang 6,53 ha, đất cơ sở tín ngưỡng chuyển sang 0,02 ha, đất sông ngòi kênh rạch chuyển sang 0,03 ha, đất chưa sử dụng chuyển sang 2,61 ha.

- Đất ở tại đô thị: Kế hoạch năm 2024 là 60,26 ha, chiếm 0,34% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 7,68 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 52,31 ha.

+ Diện tích giảm 0,27 ha do chuyển sang đất hạ tầng.

+ Diện tích tăng 7,95 ha do: Đất trồng lúa chuyển sang 5,5 ha, đất trồng

cây hàng năm khác chuyển sang 1,02 ha, đất trồng cây lâu năm 0,54 ha, đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang 0,34 ha, đất hạ tầng chuyển sang 0,53 ha, đất chưa sử dụng chuyển sang 0,02 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch năm 2024 là 24,33 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên, thực tăng 0,23 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 23,96 ha.

+ Diện tích giảm 0,14 ha do: Chuyển sang đất an ninh 0,05 ha, chuyển sang đất hạ tầng 0,09 ha.

+ Diện tích tăng 0,37 ha do đất trồng lúa chuyển sang.

- Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp: Kế hoạch năm 2024 là 0,10 ha, không thay đổi với năm 2023;

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Kế hoạch năm 2024 là 19,62 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 0,03 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 19,59 ha.

+ Diện tích giảm 0,06 ha do: Chuyển sang đất hạ tầng 0,04 ha và chuyển sang ở tại nông thôn 0,02 ha.

+ Diện tích tăng 0,03 ha do đất hạ tầng chuyển sang.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch năm 2024 là 535,54 ha, chiếm 3,02% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 2,30 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 535,54 ha.

+ Diện tích giảm do: Chuyển sang đất hạ tầng 2,27 ha, chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,03 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch năm 2024 là 261,09 ha, chiếm 1,47% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 0,3 ha so với năm 2023.

+ Diện tích không thay đổi trong kế hoạch sử dụng đất 261,09 ha.

+ Diện tích giảm 0,3 ha do chuyển sang đất hạ tầng.

- Đất phi nông nghiệp khác: Kế hoạch năm 2024 là 0,21 ha, không thay đổi so với năm 2023.

3.3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng trong năm kế hoạch

Đất chưa sử dụng diện tích năm 2024 là 403,69 ha chiếm 2,28% tổng diện tích tự nhiên, giảm 20,24 ha so với năm 2023, diện tích giảm do: Chuyển sang đất an ninh 0,13 ha, chuyển sang đất khu công nghiệp 0,37 ha, chuyển sang đất thương mại dịch vụ 5,08 ha, chuyển sang đất khoáng sản 1,2 ha, chuyển sang đất

hạ tầng 10,53 ha, đất khu vui chơi 0,3 ha, chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,61 ha, chuyển sang đất ở đô thị 0,02 ha.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong năm 2024, diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trên địa bàn huyện như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 255,05ha. Trong đó:
 - + Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp 191,76ha.
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp 13,81ha.
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp 18,16ha.
 - + Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp 1,10ha.
 - + Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất phi nông nghiệp 2,02ha.
 - + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp 11,67ha.
 - + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp 16,53ha.
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 7,11ha.

(Chi tiết diện tích chuyển mục đích tại các xã thị trấn tại biểu 07/CH)

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trong năm 2024, tổng diện tích đất cần thu hồi là 266,25ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp cần thu hồi là 232,07 ha, bao gồm:
 - + Đất trồng lúa cần thu hồi 182,52 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm cần thu hồi 13,46 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm cần thu hồi 13,17 ha;
 - + Đất rừng phòng hộ cần thu hồi 1,10 ha;
 - + Đất rừng đặc dụng cần thu hồi 2,02 ha;
 - + Đất rừng sản xuất cần thu hồi 11,67 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản cần thu hồi 8,13 ha.
- Đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 34,18 ha, bao gồm:
 - + Đất quốc phòng cần thu hồi 1,24 ha;
 - + Đất an ninh cần thu hồi 0,02 ha;
 - + Đất khu công nghiệp cần thu hồi 3,0 ha;
 - + Đất thương mại dịch vụ cần thu hồi 0,06 ha;
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,05 ha;
 - + Đất giao thông cần thu hồi 9,86 ha;
 - + Đất thủy lợi cần thu hồi 9,09 ha;
 - + Đất văn hóa cần thu hồi 0,06 ha;

- + Đất y tế cần thu hồi 0,04 ha;
- + Đất giáo dục cần thu hồi 0,44 ha;
- + Đất thể thao cần thu hồi 0,08 ha;
- + Đất năng lượng cần thu hồi 0,16 ha;
- + Đất rác cần thu hồi 0,29 ha;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa cần thu hồi 1,59 ha;
- + Đất chợ cần thu hồi 0,18 ha;
- + Đất ở nông thôn cần thu hồi 4,95 ha;
- + Đất ở đô thị cần thu hồi 0,27 ha;
- + Đất trụ sở cơ quan cần thu hồi 0,14 ha;
- + Đất tín ngưỡng cần thu hồi 0,06 ha;
- + Đất sông ngòi, kênh rạch suối cần thu hồi 2,30 ha;
- + Đất mặt nước chuyên dùng cần thu hồi 0,30 ha.

(Chi tiết diện tích cần thu hồi các xã, thị trấn tại biểu 08/CH)

3.6. Diện tích chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm kế hoạch 2024 đưa 20,24 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng các mục đích: đất an ninh 0,13 ha; đất khu công nghiệp 0,37 ha; đất thương mại dịch vụ 5,08 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 1,20 ha; đất giao thông 5,1 ha; đất thủy lợi 3,18 ha; đất văn hóa 0,46 ha; đất giáo dục 1,22 ha; đất năng lượng 0,03 ha; đất có di tích văn hoá 0,30 ha; đất cơ sở tôn giáo 0,24 ha; đất khu vui chơi giải trí 0,3 ha; đất ở nông thôn 2,61 ha; đất ở đô thị 0,02 ha.

(Chi tiết diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng các xã, thị trấn tại biểu 09/CH)

3.7. Danh mục các công trình dự án trong năm 2024

(Chi tiết danh mục các công trình dự án tại biểu 10/CH)

3.8. Dự kiến các khoản thu chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch

3.8.1. Cơ sở tính toán các nguồn thu chi từ đất

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung tại quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh ban hành giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

3.8.2. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Dự kiến sơ bộ các khoản thu chi trong năm kế hoạch, thực tế đây chỉ là dự kiến vì giá đất và chính sách bồi thường có thể biến động tùy vào tình hình thực tế của từng hạng mục công trình, dự án cũng như thời điểm tiến hành thu hồi, giao, cho thuê liên quan đến đất đai cụ thể như sau:

- **Tổng thu: 1.904,17 tỷ đồng;**
- **Tổng chi: 1.473,13 tỷ đồng;**
- **Cân đối (thu-chi): 431,04 tỷ đồng..**

Bảng 3.5. Cân đối tài chính thu – chi từ đất

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
I. Các khoản thu			1.904,17
1.1. Thu tiền khi giao đất ở đô thị (dự kiến 35% diện tích đấu giá)	3,21	7.000.000	224,91
1.2. Thu tiền khi giao đất ở nông thôn (dự kiến 35% diện tích đấu giá)	38,38	3.000.000	1.151,33
1.3. Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp			527,93
- Các khu, cụm công nghiệp	399,29	3.430	13,70
- Khu vực khác (TMDV, SXKD)	155,83	330.000	514,24

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m²)	Thành tiền (tỷ đồng)
II. Các khoản chi			1.473,13
2.1. Chi đầu tư cơ sở hạ tầng đầu giá đất ở (dự kiến 35% khoản thu đầu giá)			481,68
2.2. Chi bồi thường và hỗ trợ thu hồi đất			
- Đất lúa			
- Chi bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất đối với đất chuyên trồng lúa	182,52	280.000	511,06
- Chi tiền bảo vệ đất trồng lúa	182,52	35.000	63,88
- Chi bồi thường khi thu hồi đất đối với đất trồng cây hàng năm còn lại	13,46	300.000	40,38
- Chi bồi thường khi thu hồi đất đối với đất trồng cây lâu năm	13,17	260.000	34,24
- Chi bồi thường khi thu hồi đất đối với đất nuôi trồng thủy sản	8,13	220.000	17,89
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	4,95	6.000.000	297,00
- Chi bồi thường khi Thu hồi đất ở đô thị	0,27	10.000.000	27,00
Cân đối thu - chi (I - II)			431,04

PHẦN IV
CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT

Để có thể thực hiện được phương án kế hoạch sử dụng đất huyện Gia Viễn năm 2024, UBND huyện đề xuất một số giải pháp như sau:

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

4.1.1. Bảo vệ môi trường đất nông nghiệp và môi trường nông thôn

Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế của địa phương nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất. Tăng cường áp dụng các quy trình sản xuất sạch như sản xuất an toàn, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, chương trình IPM,...tăng cường phân bón hữu cơ, phân vi sinh, giảm lượng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật để bảo vệ môi trường đất nông nghiệp nhằm sử dụng bền vững tài nguyên đất nông nghiệp.

Tập trung ưu tiên ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, ứng dụng đưa vào sản xuất những giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao và có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương để khai thác tốt quỹ đất trồng lúa. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng lựa chọn những giống có khả năng thích ứng cao với tác động bất lợi của biến đổi khí hậu.

Đầu tư xây mới và nâng cấp các công trình thủy lợi; xây dựng, cải tạo hệ thống trạm bơm điện, cống đầu mối, kiên cố hoá kênh mương, củng cố đê điều tăng cường khả năng chống lũ, thoát nước, bảo vệ sản xuất.

4.1.2. Bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, các khu làng nghề

Thực hiện tốt công tác phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm môi trường, thực hiện tốt công tác xác nhận cam kết bảo vệ môi trường và giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch khắc phục ô nhiễm môi trường theo nội dung cam kết.

Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề có nguồn ô nhiễm nặng khu vực dân cư tập trung và xen kẽ trong khu dân cư vào các cụm công nghiệp.

4.1.3. Bảo vệ môi trường đô thị và khu dân cư nông thôn

Tăng cường hệ thống thu gom và xử lý rác thải, hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước cho khu vực đô thị. Tăng cường trồng cây

xanh theo quy hoạch để tạo cảnh quan sinh thái, bảo vệ môi trường không khí.

Đối với khu vực môi trường khu vực nông thôn cần tập trung giải quyết vấn đề nước sạch, thu gom rác thải, xử lý môi trường từ các khu chăn nuôi tập trung trên cơ sở lồng ghép với chương trình xây dựng nông thôn mới.

4.1.4. Bảo vệ môi trường trong việc khai thác các nguồn tài nguyên

Kiểm toàn hệ thống tổ chức quản lý tài nguyên nước và công trình thuỷ lợi từ huyện tới các xã. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong quản lý tài nguyên nước và công trình thuỷ lợi. Cần có cơ chế cụ thể về tài chính cho khai thác nguồn tài nguyên nước trên địa bàn.

4.1.5. Tăng cường thực hiện Luật bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Xây dựng chương trình quản lý và bảo vệ môi trường một cách đồng bộ có hiệu quả. Giáo dục ý thức về bảo vệ môi trường trong nhân dân, trong các đơn vị đến việc xây dựng các tiêu chuẩn, qui định và các phương tiện để quản lý và kiểm soát môi trường mà trọng tâm là các khu vực sản xuất nông nghiệp gần các khu công nghiệp.

Thực hiện tốt Luật bảo vệ Môi trường 2014, khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, nhất là ở các khu vực đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, bệnh viện,...

Tăng cường đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển, tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính khả thi và có cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân cam kết giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho Chủ

đầu tư thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ; Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đầy đủ năng lực tài chính để thực hiện tốt các công trình dự án được giao, đem lại hiệu quả và phát huy được tiềm năng của đất.

- Nguồn thu từ đất được sử dụng một phần thỏa đáng để nhằm cải tạo đất, điều tra, đánh giá phân loại đất đai.

- Rà soát, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu.

- Mọi đối tượng thuê đất đều phải nộp tiền thuê đất đầy đủ, đúng thời gian nếu không có lý do chính đáng được các cấp có thẩm quyền cho phép.

- Rà soát lại việc sử dụng đất của các đơn vị, tổ chức không phải thuê đất để có kế hoạch sử dụng, tránh lãng phí về đất đai.

- Kiểm soát chặt chẽ việc lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án phát triển đô thị, khu sản xuất, dịch vụ theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát việc xác định giá đất, đảm bảo tính công khai, minh bạch, theo cơ chế thị trường, tránh thiệt hại cho nhà nước.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về đất đai để người dân nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; Công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, xử lý các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích theo quy định của pháp luật đất đai.

- Tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành và các địa phương trong việc thực hiện kế hoạch. Hàng năm tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế

hoạch của xã, thị trấn, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

4.4. Các giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về chính sách

- Có cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi như: Cho thuê đất, giao đất thông thoáng, tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho đầu tư... để thu hút và tập hợp các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án lớn, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và du lịch.

- Điều chỉnh các chính sách có liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhằm thúc đẩy tiến độ bồi thường, ít có các trường hợp kiến nghị của người dân. Điều chỉnh đơn giá bồi thường sát với giá thị trường, chuẩn bị trước quỹ đất tái định cư.

- Thực hiện tốt chính sách đất đai, nhà ở cho người có công, các đối tượng chính sách, đảm bảo cho người nghèo có đất sản xuất và có cơ hội có nhà ở.

4.4.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

- Quản lý tốt thị trường nhà và đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất, góp phần giảm chi phí đầu tư vào cho các nhà sản xuất.

- Tăng cường công khai tài chính, ngân sách các cấp, tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

4.4.3. Về khoa học kỹ thuật và công nghệ

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai. Tổ chức các lớp đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

- Xây dựng mạng lưới thông tin đất đai, khẩn trương nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai với cấp tỉnh và từ cấp huyện đến cấp xã và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về kế hoạch sử dụng đất các cấp.

4.4.4. Chính sách tạo nguồn vốn từ đất

- Xác định giá đất hợp lý nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo công bằng xã hội và khuyến khích sản xuất.

- Rà soát đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu... Mọi đối tượng thuê đất đều phải nộp tiền thuê đất đầy đủ và kịp thời. Rà soát thường xuyên việc sử dụng đất của các đơn vị, tổ chức được nhà nước giao đất để có kế hoạch sử dụng hợp lý, tránh hiện tượng lãng phí về đất đai.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1.1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất huyện Gia Viễn năm 2024 được xây dựng trên cơ sở đánh giá hiện trạng sử dụng đất của huyện, thể hiện được chiến lược sử dụng đất trên địa bàn huyện, định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện và định hướng phát triển chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính thực tiễn.

Phương án kế hoạch sử dụng đất đã tổng hợp hầu hết các nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn, với quan điểm sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đảm bảo tính khoa học và mang tính khả thi cao. Phương án được xây dựng trên phương pháp luận về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai cấp huyện do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn, đồng thời đã dựa vào nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã, thị trấn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện. Do đó, phương án đảm bảo tính hệ thống phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh và quy hoạch của các ngành.

Kế hoạch sử dụng đất của huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình là căn cứ để điều chỉnh phân bố lại dân cư, lao động, khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất, lao động trên từng địa bàn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư.

Như vậy, phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Gia Viễn đã đảm bảo tính hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương trong toàn huyện phù hợp với xu thế phát triển chung của tỉnh Ninh Bình. Đồng thời cũng thể hiện rõ quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ đất nông nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa.

1.2. Kiến nghị

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Gia Viễn có tính khả thi cao, huyện Gia Viễn có đề xuất một số kiến nghị như sau:

- Đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình có chính sách đầu tư kịp thời, tạo điều kiện cho huyện Gia Viễn khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch – dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và các ngành nghề khác.

- Đề nghị các ngành của tỉnh và trung ương cần phối hợp chặt chẽ với UBND huyện khi tiến hành quy hoạch ngành mà có sử dụng quỹ đất trên địa bàn, cần tăng cường quan tâm, đầu tư và liên kết các chương trình giữa các ngành có hiệu quả, nhằm phát huy thế mạnh của các nguồn vốn góp phần thực

hiện có kết quả kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Gia Viễn.

- Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo hỗ trợ về mặt phương tiện, chuyển giao kỹ thuật của ngành tài nguyên và môi trường cho huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xét duyệt để làm cơ sở thống nhất cho công tác quản lý, sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất trên địa bàn huyện./.

HỆ THỐNG BIỂU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN GIA VIỄN – TỈNH NINH BÌNH.

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 huyện Gia Viễn
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện Gia Viễn
3	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Gia Viễn
4	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của huyện Gia Viễn
5	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 của huyện Gia Viễn
6	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 của huyện Gia Viễn
7	Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 của huyện Gia Viễn
8	Biểu 11/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng đất các khu chức năng năm 2024 của huyện Gia Viễn
9	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Gia Viễn